

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Chương trình theo Thông tư 05/2020

HỌC PHẦN I
(Mã học phần: 862406)
(Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)

TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO GIẢNG VIÊN

(Lưu hành nội bộ)

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021

CHƯƠNG TRÌNH

Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Số TT	Nội dung	Thời gian (tiết)		
		Tổng Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận
1	Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2	2	
2	Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	4	2	2
3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4	4	
4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4	4	
5	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4	4	
6	Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4	4	
7	Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	6	4	2
8	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4	4	
9	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	6	4	2
10	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	4	2	2
11	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	3	3	
	Cộng	45	37	8

BÀI 1: ĐỐI TƯỢNG PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1.1. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng bao gồm: Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc –an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Trên cơ sở lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng đã đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay không chỉ bảo vệ độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ mà còn phải bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ nền văn hóa của dân tộc, các quan điểm của Đảng.

1.2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh.

Bao gồm nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác về: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam,

Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng, An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

Nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh thực chất là nghiên cứu hệ thống quy phạm pháp luật của Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và an ninh chính trị. Mọi công dân đều có trách nhiệm tham gia công tác quốc phòng an ninh, luyện tập quân sự, giữ gìn bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội. Nghiên cứu và thực hiện tốt công tác quốc phòng, an ninh để xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam.

1.3. Nghiên cứu về quân sự chung

Bao gồm các nội dung: chế độ học tập công tác trong ngày trong tuần, các chế độ nề nếp chính quy bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, hiểu biết chung về quân binh chủng trong quân đội, điều lệnh đội ngũ từng người có súng, điều lệnh đội ngũ đơn vị, hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao, ba môn quân sự phối hợp.

1.4. Nghiên cứu kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Nghiên cứu các kiến thức kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, tính năng cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1, từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự, từng người làm nhiệm vụ canh gác cảnh giới.

II. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận chung nhất của việc nghiên cứu bộ môn này là học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Quá trình nghiên cứu, phát triển giáo dục quốc phòng, an ninh phải nắm vững và vận dụng đúng đắn các quan điểm khoa học sau đây:

- *Quan điểm hệ thống*: Đặt ra yêu cầu nghiên cứu, phát triển các nội dung của giáo dục quốc phòng, an ninh một cách toàn diện, tổng thể trong mối quan hệ phát triển giữa các bộ phận, các vấn đề của môn học.

- *Quan điểm lịch sử, logic*: Trong nghiên cứu, phải nhìn thấy sự phát triển của đối tượng, vấn đề nghiên cứu theo thời gian, không gian với những điều kiện lịch sử, cụ thể để từ đó giúp ta phát hiện, khái quát, nhận thức đúng những quy luật, nguyên tắc của hoạt động quốc phòng, an ninh.

- *Quan điểm thực tiễn*: Phải bám sát thực tiễn xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Các phương pháp nghiên cứu

Là một bộ môn khoa học nằm trong hệ thống khoa học quân sự, phạm vi nghiên cứu rất rộng, nội dung nghiên cứu đa dạng, được cấu trúc theo hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, và luôn có sự kế thừa, phát triển. Vì vậy khi tiếp cận nghiên cứu phải được vận dụng với nhiều phương pháp, cách thức, phù hợp với tính chất của từng nội dung và vấn đề nghiên cứu cụ thể.

- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết như phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa, mô hình hóa, giả thuyết...nhằm thu thập thông tin trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu về quốc phòng, an ninh để rút ra kết luận cần thiết.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn như quan sát điều tra, khảo sát thực tế, nghiên cứu các sản phẩm quốc phòng, an ninh, tổng kết kinh nghiệm, thí nghiệm, thực nghiệm...nhằm tác động trực tiếp vào đối tượng trong thực tiễn từ đó khái quát bản chất, quy luật hoạt động của quốc phòng, an ninh không ngừng bổ sung cũng như kiểm định tính đúng đắn của nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh.

- Trong nghiên cứu lĩnh vực các kiến thức kỹ năng quốc phòng, an ninh cần sử dụng các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành nhằm đảm bảo nắm được về đường lối, nghệ thuật quân sự, nắm lý thuyết kỹ thuật và chiến thuật rèn luyện các kỹ năng thao tác, hành động quân sự. Cần chú ý sử dụng phương pháp tạo tình huống, nêu vấn đề, tranh luận sáng tạo tăng cường thực hành rèn luyện sát thực tế chiến đấu. Tổ chức tham quan, viết thu hoạch, tiểu luận, sử dụng các phương tiện khoa kỹ thuật hiện đại phục vụ trong giảng dạy nâng cao chất lượng học tập.

III. GIỚI THIỆU VỀ MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

3.1. Đặc điểm môn học

- Là môn học được luật định, thể hiện rõ đường lối giáo dục của Đảng được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Có sự kế tục và phát huy kết quả thực hiện chương trình huấn luyện quân sự phổ thông (1961), giáo dục quốc phòng(1991), quy chế giáo dục đào tạo trình độ đại học (2000) và nghị định của chính phủ về giáo dục quốc phòng năm 2007.

- Là môn học bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật quân sự có tỉ lệ lý thuyết chiếm trên 70% chương trình môn học.

- Giáo dục quốc phòng góp phần xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khoa học ngay khi sinh viên đang học tập tại trường và khi ra công tác, góp phần đào

tạo cho đất nước đội ngũ cán bộ có ý thức, năng lực sẵn sàng tham gia nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên mọi cương vị công tác.

3.2. Chương trình

Theo *theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*, chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh gồm 4 học phần, thời lượng 165 tiết, cụ thể:

- Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh
- Học phần III: Quân sự chung
- Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

3.3. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

- Sinh viên có đủ số lần kiểm tra cho mỗi học phần; mỗi lần kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên và có đủ 80% thời gian có mặt trên lớp sẽ được dự thi kết thúc học phần.

- Phương pháp đánh giá:

+ *Tính điểm riêng cho từng học phần*

+ *Điểm môn học là điểm trung bình cộng của các học phần*

+ *Xếp loại kết quả môn học theo quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo*

- Sinh viên đạt điểm môn học từ 5 điểm và không bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên được cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, an ninh. Chứng chỉ giáo dục quốc phòng, an ninh là một trong những điều kiện để xét tốt nghiệp.

3.4. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn môn học giáo dục quốc phòng, an ninh

Theo quy định về tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh ban hành kèm theo Thông tư số: 18/2015/TTLT-BGDĐT/BHXH ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ lao động-thương binh và xã hội quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học:

3.4.1. Đối tượng được miễn học môn GDQP-AN:

- a) Sinh viên có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp học viện, trường sĩ quan quân đội, công an;
- b) Học sinh, sinh viên đã có chứng chỉ GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo;
- c) Học sinh, sinh viên là người nước ngoài

3.4.2. Đối tượng được miễn học, miễn thi học phần, nội dung trong chương trình GDQP&AN, gồm: học sinh, sinh viên có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần, nội dung đó đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

3.4.3. Đối tượng được miễn học, các nội dung thực hành kỹ năng quân sự:

- a) Học sinh, sinh viên là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;
- b) Học sinh, sinh viên không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;
- c) Học sinh, sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân

3.4.4. Đối tượng được tạm hoãn học môn học GDQP&AN:

- a) Học sinh, sinh viên vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi học sinh, sinh viên điều trị;
- b) Học sinh, sinh viên là nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành.

Giám đốc, hiệu trưởng các cơ sở giáo dục xem xét tạm hoãn học môn học GDQP&AN cho các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này. Hết thời gian tạm hoãn, các cơ sở giáo dục bố trí cho học sinh, sinh viên vào học các lớp phù hợp để hoàn thành chương trình./.

KẾT LUẬN

Là môn học được quy định trong luật, Giáo Dục Quốc Phòng An Ninh không chỉ là nội dung bắt buộc mọi công dân thực hiện nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa mà còn khơi dậy tinh thần cống hiến hi sinh phụng sự vì cộng đồng, tinh thần tự tôn dân tộc, vì một Việt Nam tương lai phát triển toàn diện thái bình phồn vinh và hạnh phúc. Để thực hiện được nghĩa vụ và trách nhiệm cao thượng đó đòi hỏi mỗi người học, mỗi sinh viên luôn phải đặt mình trong khuôn khổ, vượt qua mọi khó khăn trở ngại ra sức học tập hoàn thành mọi nhiệm vụ học tập mà nhà trường giao phó, luôn là công dân tốt, gương mẫu đi đầu trong mọi hoạt động công tác./.

BÀI 2: QUAN ĐIỂM CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

I. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH

I.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh

I.1.1. Chiến tranh là một hiện tượng chính trị - xã hội

- *Các quan điểm trước Mác:* Có nhiều nhà tư tưởng đã đề cập đến vấn đề này song nổi bật nhất là tư tưởng của C.Ph.Claudovít (1780 - 1831), ông quan niệm chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phục tùng ý chí của mình. Chiến tranh là sự huy động sức mạnh không hạn độ, sức mạnh đến tột cùng của các bên tham chiến. Tuy nhiên, Claudovít chỉ ra được đặc trưng của chiến tranh là sử dụng bạo lực mà chưa luận giải được bản chất của hành vi bạo lực ấy.

- *Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác:* Chiến tranh là hiện tượng chính trị xã hội có tính lịch sử, đó là cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức giữa các giai cấp, Nhà nước (hoặc liên minh giữa các nước) nhằm đạt được mục đích chính trị nhất định.

- *Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin:* Chiến tranh là kết quả của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nhưng nó không phải là những mối quan hệ giữa người với người nói chung, mà là mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau, được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt đó là bạo lực vũ trang.

I.1.2. Nguồn gốc nảy sinh chiến tranh:

- Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định: sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc sâu xa (nguồn gốc kinh tế), suy đến cùng đã dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh. Đồng thời sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp là nguồn gốc trực tiếp (nguồn gốc xã hội) dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh.

Trong chế độ cộng sản nguyên thủy, khi chưa có chế độ tư hữu, chưa có giai cấp đối kháng thì chiến tranh với tính cách là một hiện tượng chính trị xã hội cũng chưa xuất hiện. Mặc dù thời kỳ này đã có những cuộc xung đột vũ trang, nhưng không phải là những cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng “lao động thời cổ”. Bởi vì, xã hội cộng sản nguyên thủy là một xã hội bình đẳng, không có giai cấp, không có tình trạng phân chia thành kẻ giàu, người nghèo, kẻ đi áp bức bóc lột và người bị áp bức bóc lột. Về kinh tế không có của “dư thừa tương đối” mục tiêu của xung đột đó chỉ để tranh giành các điều kiện tự nhiên để tồn tại như: nguồn nước, bãi cò, vùng săn, bắt, hái lượm hoặc hang động ... Về mặt quân sự, trong các cuộc xung đột, các bên tham chiến đều không có lực lượng vũ trang chuyên nghiệp, không có vũ khí chuyên dùng.

Khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xuất hiện và cùng với nó là sự ra đời của giai cấp, tầng lớp áp bức bóc lột thì chiến tranh ra đời và tồn tại như một tất yếu khách quan. Chế độ áp bức càng hoàn thiện thì chiến tranh càng phát triển. Chiến tranh trở thành “bạn đường” của mọi chế độ tư hữu.

- Phát triển những luận điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, V.I. Lênin chỉ rõ: trong thời đại ngày nay còn chủ nghĩa đế quốc còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc.

Như vậy, chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có đối kháng giai cấp và áp bức bóc lột, chiến tranh không phải là một định mệnh gắn liền với con người và xã hội loài người. Muốn xoá bỏ chiến tranh phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra nó.

I.1.3. Bản chất chiến tranh:

Bản chất chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng nhất của học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội. Theo Lênin: “Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những biện pháp khác” (cụ thể là bằng bạo lực). Khi phân tích bản chất chiến tranh, nhất thiết phải có quan điểm chính trị - giai cấp, coi chiến tranh chỉ là một hiện tượng lịch sử cụ thể.

- “Chính trị là sự phản ánh tập trung của kinh tế”, “chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc”, là sự thống nhất giữa đường lối đối nội và đường lối đối ngoại, trong đó đường lối đối ngoại phụ thuộc vào đường lối đối nội. Chiến tranh chỉ là một thời đoạn, một bộ phận của chính trị, nó không làm gián đoạn chính trị. Ngược lại, mọi chức năng, nhiệm vụ của chính trị đều được thực hiện trong chiến tranh.

- Giữa chiến tranh và chính trị có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong đó chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục chiến tranh, chính trị chỉ đạo toàn bộ hoặc phần lớn tiến trình và kết cục chiến tranh, chính trị qui định mục tiêu và điều chỉnh mục tiêu, hình thức tiến hành đấu tranh vũ trang.

- Chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị. Chiến tranh tác động trở lại chính trị theo hai hướng tích cực hoặc tiêu cực, hoặc tích cực ở khâu này nhưng tiêu cực ở khâu khác.

- Trong thời đại ngày nay, chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị nhưng bản chất chiến tranh vẫn không có gì thay đổi, chiến tranh vẫn là sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất định.

I.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

- Trên cơ sở lập trường duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh đã sớm đánh giá đúng đắn bản chất, qui luật của chiến tranh, tác động của chiến tranh đến đời sống xã hội.

Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến tranh xâm lược. Ngược lại cuộc chiến tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc chiến tranh nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và thống nhất đất nước.

- Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, phân tích tính chất chính trị-xã hội của chiến tranh xâm lược thuộc địa, chiến tranh ăn cướp của chủ nghĩa đế quốc, chỉ ra tính chất chính nghĩa của chiến tranh giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa.

- Hồ Chí Minh khẳng định: Ngày nay chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi con người là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh. Vì vậy phải tiến hành chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Tư tưởng của Người được thể hiện rõ nét trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến

chống thực dân Pháp ngày 19/12/1946: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, không chia tôn giáo đảng phái, dân tộc...hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước...”. Trong kháng chiến chống Mỹ, Người tiếp tục khẳng định: “Ba mươi một triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kỳ già trẻ, gái trai, phải là ba mươi một triệu chiến sỹ anh dũng diệt Mỹ cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng”.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giặc phải bằng sức mạnh của toàn dân, trong đó phải có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận: quân sự, chính trị; kinh tế; văn hóa...

II. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUÂN ĐỘI

II.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quân đội

Theo Ph.Ăngghen: “Quân đội là một tập đoàn người vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng ngự”.

II.1.1. Nguồn gốc ra đời của quân đội:

Chủ nghĩa Mác- Lênin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của Quân đội từ sự phân tích cơ sở kinh tế- xã hội và khẳng định: quân đội là một hiện tượng lịch sử, ra đời trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội. Chính chế độ tư hữu và đối kháng giai cấp đã làm nảy sinh nhà nước thống trị bóc lột. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và đàn áp quần chúng nhân dân lao động, giai cấp thống trị đã tổ chức ra lực lượng vũ trang thường trực làm công cụ bạo lực của nhà nước. Như vậy chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là nguồn gốc ra đời quân đội. Chừng nào còn chế độ tư hữu, còn chế độ áp bức bóc lột thì quân đội vẫn còn tồn tại. Quân đội chỉ mất đi khi giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong.

II.1.2. Bản chất giai cấp của quân đội:

Chủ nghĩa Mác- Lênin khẳng định: bản chất quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của một giai cấp, nhà nước nhất định nhằm mục đích bảo vệ lợi ích giai cấp thống trị và nhà nước tổ chức nuôi dưỡng sử dụng nó. Bản chất của quân đội phụ thuộc vào bản chất của nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng và xây dựng theo đường lối quan điểm chính trị, quân sự của giai cấp mình. Đó là cơ sở để quân đội trung thành với nhà nước đã tổ chức ra nó.

Bản chất giai cấp của quân đội không phải tự phát hình thành mà phải trải qua quá trình xây dựng lâu dài và được củng cố liên tục. Bản chất quân đội tương đối ổn định nhưng không phải là bất biến. bản chất quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: giai cấp, nhà nước, các lực lượng, tổ chức chính trị, xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ nội bộ trong quân đội. Sự thay đổi bản chất giai cấp của quân đội diễn ra dần dần thông qua việc tăng cường hoặc suy yếu dần các mối quan hệ.

Hiện nay, luận điểm của các học giả tư sản là “phi chính trị hóa quân đội”, cho quân đội phải đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực của toàn xã hội, không mang bản chất giai cấp. Luận điểm “phi chính trị hóa quân đội”, với mục đích làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, làm giảm sức mạnh chiến đấu, từng bước làm thoái hóa về chính trị tư tưởng, làm phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. “phi chính trị hóa quân đội” là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc.

II.1.3. Sức mạnh chiến đấu của quân đội:

- Theo quan điểm của Mác- Ăngghen, sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: con người, điều kiện kinh tế chính trị, văn hoá, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự, huấn luyện, tổ chức biên chế... Bảo vệ và phát triển tư tưởng của C.

Mác và Ph. Ănggen, V.I. Lê nin đã chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, giữa các yếu tố có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó yếu tố chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định đến sức mạnh chiến đấu của quân đội. Lê nin đã khẳng định “Trong mọi cuộc chiến tranh rồi cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quân chúng đang đổ máu trên chiến trường”.

- Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của V.I.Lênin:

- + Đảng Cộng sản lãnh đạo Hồng quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân.
- + Đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân.
- + Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản.
- + Xây dựng quân đội ngày càng chính qui
- + Không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức
- + Phát triển hài hoà các quân chủng, binh chủng
- + Sẵn sàng chiến đấu

Trong đó sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nguyên tắc quan trọng nhất, quyết định sức mạnh, tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến thắng của Hồng quân.

Ngày nay, những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của V.I. Lê nin vẫn giữ nguyên giá trị; là cơ sở lí luận khoa học cho các Đảng Cộng sản xác định phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

II.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

- *Khẳng định sự ra đời của quân đội là một tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam*

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa sự ra đời của quân đội với sự nghiệp giai cấp và giải phóng dân tộc. Kẻ thù sử dụng bạo lực phản cách mạng để áp bức nô dịch dân tộc ta. Muốn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp chúng ta phải tổ chức bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Người viết: “Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng. Muốn đánh chúng phải có lực lượng quân sự, phải có tổ chức”.

- *Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân.*

Quân đội nhân dân Việt Nam là công cụ vũ trang sắc bén của Đảng Cộng sản Việt Nam, mang bản chất của giai cấp công nhân Việt nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng bản chất giai cấp của quân đội. Bản chất giai cấp công nhân liên hệ mật thiết với tính nhân dân trong tiến hành chiến tranh nhân dân chống thực dân chống thực dân, đế quốc xâm lược. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện. Người đã khẳng định: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

- *Khẳng định quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu*

Đây là một trong những công hiến của chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển lý luận về quân đội. Bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của quân đội ta là một thể thống nhất, là biểu hiện tính quy luật của quá trình hình thành và phát triển quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản.

Trong bài “Tình đoàn kết quân dân ngày càng thêm bền chặt” ngày 03/03/1952, Người viết: “Quân đội ta là quân đội nhân dân. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để giành lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác”.

- *Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội là một nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản*

Đảng Cộng sản Việt Nam – Người tổ chức lãnh đạo giáo dục và rèn luyện quân đội –

là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Nếu không có một Đảng Cộng sản chân chính, không có một giai cấp công nhân Việt Nam cách mạng, kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa, thì Quân đội nhân dân Việt Nam không thể giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu lý tưởng của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục.

- *Nhiệm vụ và chức năng cơ bản của quân đội:*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Hiện nay quân đội ta có hai nhiệm vụ chính. Một là, xây dựng một quân đội ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu. Hai là, thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Quân đội ta có ba chức năng: là đội quân chiến đấu, là đội quân công tác, là đội quân sản xuất. Ba chức năng này phản ánh cả mặt đối nội, đối ngoại của quân đội.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, quân đội ta có vai trò hết sức nặng nề. Để thực hiện vai trò đó, cần đổi mới nhận thức về các chức năng của quân đội cho phù hợp với sự phát triển của cách mạng trong thời kỳ mới.

III. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

III.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

III.1.1. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan

- Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ thành quả cách mạng của giai cấp công nhân, họ phải đẩy lùi sự tấn công của bọn phản cách mạng.

- Xuất phát từ quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Xuất phát từ quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc mà chủ nghĩa xã hội có thể giành thắng lợi không đồng thời ở các nước. Do đó trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là hai chế độ đối lập nhau cùng tồn tại và đấu tranh với nhau hết sức quyết liệt.

- Xuất phát từ bản chất, âm mưu của kẻ thù và thực tiễn cách mạng thế giới. Chủ nghĩa xã hội thắng lợi, giai cấp tư sản đã bị đánh đổ về mặt chính trị, nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ tham vọng muốn quay trở lại địa vị thống trị đã mất.

III.1.2. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

- Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân của giai cấp vô sản trong nước, nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

- Lênin luôn nhắc nhở mọi người phải luôn nêu cao cảnh giác, đánh giá đúng kẻ thù, tuyệt đối không chủ quan, phải có thái độ nghiêm túc đối với quốc phòng và luôn tin tưởng về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

III.1.3. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội

- Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả, mang tính cách mạng, chính nghĩa và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, phải được quan tâm chuẩn bị chu đáo và kiên quyết.

- Lênin đã đưa ra nhiều biện pháp để bảo vệ Tổ quốc như: củng cố chính quyền xô viết, bài trừ nội phản, tiêu diệt bọn bạch vệ; đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hóa, khoa học kỹ thuật, đối ngoại khôn khéo, kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược; hết sức chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới.

III.1.4. Đảng Cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

- Đảng Cộng sản đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành chính

quyền, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, thì Đảng Cộng sản cũng phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến để lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ đảng viên gương mẫu hy sinh.

- Thực hiện chế độ chính ủy trong quân đội, hướng dẫn, giám sát các hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các đoàn thể nhân dân lao động.

- Sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc cao nhất, là nguồn gốc sức mạnh bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

III.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự vận dụng sáng tạo học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của Lênin vào tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

III.2.1. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan.

- Tính tất yếu khách quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được thể hiện rõ qua lời dạy của Người: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

- Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh: “..Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ...”. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trước sự uy hiếp của thực dân đế quốc và bọn phản động tay sai, chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng đề ra nhiều biện pháp thiết thực, cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

- Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra một chân lý rằng “ Không có gì quý hơn độc lập tự do ”, “hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi”, trước khi đi xa, trong bản Di chúc người căn dặn: “ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có thể còn kéo dài, đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”

III.2.2. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân

- Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam. Trong bản tuyên ngôn độc lập, Người khẳng định: “Toàn dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”.

- Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa.

III.2.3. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại

- Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: Phát huy sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đó là sức mạnh của toàn dân tộc, của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở, là sức mạnh của nhân tố chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá- xã hội, sức mạnh truyền thống với hiện đại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

- So sánh về sức mạnh giữa chúng ta với quân xâm lược trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, người phân tích: Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết toàn dân, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta nhất định thắng. Để bảo vệ Tổ

quốc xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân, coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc.

III.2.3. Đảng Cộng sản lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa phải do Đảng lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Đảng và Chính phủ phải lãnh đạo toàn dân, ra sức củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên xã hội chủ nghĩa, đồng thời tiếp tục đấu tranh để thống nhất nước nhà, trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình, góp phần bảo vệ công cuộc hòa bình ở Á Đông và trên thế giới”.

- Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc, ngày nay toàn Đảng toàn dân, toàn quân ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện được thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chúng ta cần làm tốt một số nội dung chiến lược sau:

+ Một là: Xây dựng tiềm lực toàn diện của đất nước, đặc biệt tiềm lực kinh tế, tạo ra thế và lực cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

+ Hai là: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

+ Ba là: Quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, chủ động đánh thắng địch trong mọi hoàn cảnh, tình huống chiến tranh.

+ Bốn là: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp quốc phòng an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

KẾT LUẬN

Học thuyết Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Đó là cơ sở lí luận để các Đảng Cộng sản đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền quốc phòng, ninh, xây dựng lực lượng vũ trang và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Sinh viên là lớp trí thức trẻ, cần nghiên cứu nhận thức đúng đắn nội dung trên, xây dựng thế giới quan khoa học, niềm tin và trách nhiệm của mình để góp phần tích cực vào bảo vệ, phát triển những nội dung đó trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay./.

BÀI 3: XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN

I. VỊ TRÍ, ĐẶC TRƯNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN

I.1. Một số khái niệm

- *Quốc phòng toàn dân* là nền quốc phòng mang tính chất “vì dân, của dân”, phát triển theo phương hướng toàn dân, toàn diện, độc lập tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí, điều hành của Nhà nước, do nhân dân làm chủ, nhằm giữ vững hòa bình, ổn định của đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực đế quốc, phản động; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- *Nền quốc phòng toàn dân* là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng nhân lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện độc lập, tự chủ, tự lực,

tự cường.

- *An ninh nhân dân* là sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân tiến hành, lực lượng an ninh nhân dân làm nòng cốt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

- *Nền an ninh* là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh nhân dân làm nòng cốt.

I.2. Vị trí:

Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh là tạo ra sức mạnh để ngăn ngừa đẩy lùi đánh bại mọi âm mưu hành động xâm hại đến mục tiêu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta khẳng định: “Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng an ninh, coi đó là nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ”.

I.3. Đặc trưng:

I.3.1. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng.

Đặc trưng thể hiện sự khác nhau về bản chất trong xây dựng nền quốc phòng, an ninh của những quốc gia có độc lập chủ quyền đi theo con đường xã hội chủ nghĩa với các quốc gia khác.

Chúng ta xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh là để tự vệ.

I.3.2. Đó là nền quốc phòng, an ninh vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành.

Đặc trưng thể hiện truyền thống, kinh nghiệm của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

Đặc trưng còn cho phép ta huy động mọi người, mọi tổ chức, mọi lực lượng xây dựng nền quốc phòng, an ninh và đấu tranh quốc phòng, an ninh.

Đồng thời, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân.

I.3.3. Đó là nền quốc phòng, an ninh có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành

Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng, an ninh nước ta là cơ sở, tiền đề, là biện pháp để nhân dân ta đánh thắng kẻ thù xâm lược. Sức mạnh đó được tạo thành bởi nhiều yếu tố như: chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, khoa học – công nghệ, quân sự, an ninh, đối ngoại ... cả ở trong nước, ngoài nước, của dân tộc và của thời đại.

I.3.4. Nền quốc phòng, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại

Sức mạnh quốc phòng, an ninh không chỉ ở sức mạnh quân sự, an ninh mà phải huy động được sức mạnh của của toàn dân về mọi mặt. Phải kết hợp hữu cơ giữa quốc phòng, an ninh với các mặt hoạt động xây dựng đất nước, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

Xây dựng nền quốc phòng, an ninh toàn diện phải đi đôi với xây dựng nền quốc phòng, an ninh hiện đại là một tất yếu khách quan. Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”. Kết hợp giữa xây dựng con người có bản chất cách mạng với vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.

I.3.5. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với an ninh nhân dân

Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân đều chung mục đích là bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Giữa nền quốc phòng toàn dân với nền an ninh nhân dân chỉ khác nhau về phương thức tổ chức lực lượng, hoạt động cụ thể, theo mục tiêu cụ thể được phân công.

Việc kết hợp phải tiến hành thường xuyên và đồng bộ, thống nhất từ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch xây dựng, hoạt động của cả nước, từng vùng, miền, địa phương, mọi cấp, mọi ngành.

II. XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN VỮNG MẠNH ĐỂ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

II.1. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

- Tạo sức mạnh tổng hợp cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ.

- Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhằm bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá, xã hội; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

II.2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay.

Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Lực lượng quốc phòng, an ninh là những con người, tổ chức và những cơ sở vật chất, tài chính đảm bảo cho các hoạt động đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh.

Lực lượng quốc phòng, an ninh của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân bao gồm lực lượng toàn dân (lực lượng chính trị) và lực lượng vũ trang nhân dân.

Lực lượng chính trị bao gồm: các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị- xã hội và những tổ chức khác trong đời sống xã hội đã được phép thành lập và quản chúng nhân dân. Lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm quân đội nhân dân, dân quân tự vệ, công an nhân dân

Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh là xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

II.3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh

Tiềm lực quốc phòng, an ninh là khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động được để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh. Tiềm lực quốc phòng an ninh được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng tập trung nhất ở tiềm lực chính trị, tinh thần, tiềm lực kinh tế, tiềm lực khoa học công nghệ,...

II.3.1. Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần

- Tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về chính trị, tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiềm lực chính trị tinh thần được biểu hiện ở năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước; ý chí quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong mọi hoàn cảnh, tình huống. Tiềm lực chính trị tinh thần, là cơ sở, nền tảng của tiềm lực quân sự, an ninh.

- Nội dung xây dựng cần tập trung: xây dựng tình yêu quê hương đất nước, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao cảnh giác cách mạng; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt giáo dục quốc phòng, an ninh.

II.3.2. Xây dựng tiềm lực kinh tế:

- Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về kinh tế bao gồm nhân lực, vật lực, tài lực của đất nước. Tiềm lực kinh tế tạo nên sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, là cơ sở vật chất cho các tiềm lực khác.

- Nội dung xây dựng cần tập trung vào: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội và công an.

II.3.3. Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ:

- Tiềm lực khoa học công nghệ của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là khả năng về khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội-nhân văn) và công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động để phục vụ cho quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về khoa học, công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh

- Nội dung xây dựng là huy động tổng lực các khoa học, công nghệ quốc gia, trong đó khoa học quân sự, an ninh làm nòng cốt để nghiên cứu các vấn đề về quân sự, an ninh, thiết kế, chế tạo, sửa chữa các loại vũ khí trang bị. Đồng thời phải thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật.

II.3.4. Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh

- Tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh cho chiến tranh.

- Tiềm lực quân sự, an ninh được xây dựng trên nền tảng của các tiềm lực chính trị, tinh thần, kinh tế, khoa học công nghệ.

- Nội dung xây dựng cần tập trung:

+ Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện.

+ Gắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với quá trình tăng cường vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

+ Bố trí lực lượng luôn đáp ứng yêu cầu chuẩn bị cho đất nước về mọi mặt, sẵn sàng động viên thời chiến.

+ Tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh.

II.4. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc

- Thể trận quốc phòng, an ninh là sự tổ chức bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Nội dung xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gồm:

+ Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở qui hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước

+ Xây dựng hậu phương, tạo chỗ dựa vững chắc cho thể trận quốc phòng, an ninh.

+ Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) tạo nền tảng của thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

+ Triển khai các lực lượng trong thể trận, tổ chức phòng thủ dân sự kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình quốc phòng, an ninh.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHÍNH XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN HIỆN NAY

III.1. Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng- an ninh

Thực hiện Chỉ thị 12- CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ chính trị và Nghị định 116/2007/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh phải toàn diện, coi trọng giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; nghĩa vụ công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

III.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Cụ thể hoá các nội dung lãnh đạo về quốc phòng, an ninh và bổ sung cơ chế hoạt động của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, đặc biệt chú trọng khi xử trí các tình huống phức tạp. Điều chỉnh cơ cấu quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh của bộ máy Nhà nước các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Tổ chức phân công cán bộ chuyên trách để phát huy vai trò tham mưu trong tổ chức, thực hiện công tác quốc phòng, an ninh. Thực hiện nghiêm quy chế 107/2003/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp quân đội với công an và Nghị quyết 51-NQ/TW của Bộ chính trị.

III.3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân. Mọi công dân, mọi tổ chức, mọi lực lượng đều phải tham gia theo phạm vi và khả năng của mình. Đối với sinh viên phải tích cực học tập nâng cao hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức quốc phòng, an ninh, nhận thức rõ âm mưu, hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó tự giác, tích cực luyện tập các kỹ năng quân sự, an ninh và chủ động tham gia các hoạt động về quốc phòng, an ninh do nhà trường và địa phương triển khai.

KẾT LUẬN

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cần phải có sức mạnh tổng hợp. Một trong những yếu tố tạo nên sức mạnh tổng hợp là phải có được nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh.

Sinh viên phải nhận thức đúng đắn về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xác định nghĩa vụ, trách nhiệm bản thân, tích cực học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động về quốc phòng, an ninh, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

BÀI 4: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC

I.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

I.1.1. Mục đích:

Chiến tranh nhân dân là quá trình sử dụng tiềm lực của đất nước, nhất là tiềm lực quốc phòng, an ninh, nhằm đánh bại ý đồ xâm lược, lật đổ của kẻ thù đối với cách mạng nước ta. Mục đích “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân

và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

I.1.2. Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

- *Đối tượng tác chiến:* Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động có hành động phá hoại, xâm lược, lật đổ cách mạng, hiện nay chúng thực hiện chiến lược “DBHB”, bạo loạn lật đổ để xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta và sẵn sàng sử dụng lực lượng vũ trang hành động quân sự can thiệp khi có thời cơ.

- *Âm mưu, thủ đoạn chủ yếu của kẻ thù khi xâm lược nước ta*

Thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh, kết hợp tiến công quân sự từ bên ngoài vào với hành động bạo loạn lật đổ từ bên trong, đồng thời kết hợp với các biện pháp phi vũ trang để lừa bịp dư luận.

Khi tiến công, trong giai đoạn đầu thường thực hiện bao vây, cấm vận, phong tỏa, sau đó sử dụng hỏa lực đánh bất ngờ, ồ ạt. Giai đoạn thực hành thôn tính lãnh thổ có thể kết hợp với bạo loạn lật đổ từ bên trong của các lực lượng phản động và kết hợp với các lực lượng phi vũ trang khác.

I.2.3. Những điểm mạnh, yếu của địch:

- *Điểm mạnh:* Có ưu thế tuyệt đối về sức mạnh quân sự, kinh tế và tiềm lực khoa học công nghệ. Có thể kết cấu được với lực lượng phản động nội địa thực hiện trong đánh ra, ngoài đánh vào.

- *Điểm yếu:* Đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa, chắc chắn bị nhân loại phản đối. Địa hình thời tiết nước ta phức tạp khó khăn cho địch sử dụng phương tiện, lực lượng.

I.2. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

I.2.1. Tính chất:

- Là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng, nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân và mọi thành quả cách mạng.

- Là cuộc chiến tranh mang tính hiện đại (vũ khí, trang bị, tri thức và nghệ thuật quân sự).

I.2.2. Đặc điểm của chiến tranh nhân dân.

- Trong bối cảnh quốc tế, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp.

- Trong cuộc chiến tranh, nhân dân ta phải bảo vệ được độc lập thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa, mang tính độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, kết hợp với sức mạnh thời đại.

- Chiến tranh diễn ra khốc liệt, quyết liệt, phức tạp ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh.

- Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng, thế trận quốc phòng, an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, có điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp chủ động đánh địch ngay từ ngày đầu và lâu dài.

II. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TRONG CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC

II.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

II.1.1. Vị trí:

Đây là quan điểm cơ bản xuyên suốt thể hiện tính nhân dân sâu sắc. Khẳng định, đây

là cuộc chiến tranh của dân, do dân và vì dân. Là điều kiện để phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến tranh.

II.1.2. Nội dung:

- Trong điều kiện mới ta vẫn phải “lấy nhỏ thắng lớn”, “lấy ít địch nhiều”, Đảng ta không chỉ dựa vào lực lượng vũ trang mà phải dựa vào sức mạnh của toàn dân, tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc...

- Động viên toàn dân đánh giặc, trong đó lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc trên chiến trường cả nước. Đánh địch bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, bằng những cách độc đáo, sáng tạo...

- Tiến hành chiến tranh toàn dân, đó là truyền thống, đồng thời là quy luật giành thắng lợi trong chiến tranh của dân tộc ta chống kẻ thù xâm lược.

II.1.3. Biện pháp thực hiện:

- Tăng cường giáo dục quốc phòng cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng.

- Không ngừng chăm lo xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đặc biệt là chất lượng chính trị.

- Không ngừng nghiên cứu nghệ thuật quân sự, nghiên cứu các cuộc chiến tranh gần đây ở trên thế giới để phát triển nghệ thuật quân sự lên một tầm cao mới. Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc

II.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

II.2.1. Vị trí:

Quan điểm trên có vai trò quan trọng, vừa mang tính chỉ đạo và hướng dẫn hành động cụ thể để giành thắng lợi trong chiến tranh.

II.2.2. Nội dung:

- Chiến tranh là một cuộc thử thách toàn diện đối với sức mạnh vật chất, tinh thần của quốc gia, nhưng chiến tranh của ta là một cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ, cách mạng. Để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn dân, đánh bại chiến tranh tổng lực của địch trên tất cả các mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng.

- Tất cả các mặt trận đấu tranh phải kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau và tạo điều kiện cho đấu tranh quân sự giành thắng lợi trên chiến trường và cùng với đấu tranh quân sự tạo nên sức mạnh tổng hợp giành thắng lợi cho cuộc chiến tranh.

- Truyền thống và kinh nghiệm của cuộc chiến tranh giải phóng và giữ nước trong lịch sử ông cha ta cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành cuộc kháng chiến toàn diện, đấu tranh với địch trên nhiều mặt nhưng chủ yếu đã đánh địch và thắng địch trên mặt trận quân sự, nhờ đó mà nhân dân ta đã giành được thắng lợi, giành và giữ nền độc lập dân tộc.

II.2.3. Biện pháp:

- Đảng phải có đường lối chiến lược, sách lược đúng, tạo thế và lực cho từng mặt trận đấu tranh tạo nên sức mạnh, trước mắt đấu tranh làm thất bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch. Động viên sức mạnh của toàn dân tiến hành trên các mặt trận khi kẻ thù phát động chiến tranh xâm lược

- Phải vận dụng sáng tạo nhiều hình thức và biện pháp đấu tranh thích hợp trên từng mặt; đồng thời có nghệ thuật chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ các mặt trận đấu tranh trong từng giai đoạn cũng như quá trình phát triển của chiến tranh. Song phải luôn quán triệt lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để kết thúc chiến tranh.

II.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

- Kẻ thù tiến công nước ta là nước lớn, có quân đông, trang bị vũ khí, kỹ thuật hiện đại, có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh hơn ta nhiều lần.

- Chúng ta phải chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực đủ sức đánh được lâu dài, ra sức tạo thời cơ, nắm vững thời cơ, chủ động đối phó và giành thắng lợi trong thời gian cần thiết. Trên cơ sở đó, chúng ta dồn sức để rút ngắn thời gian của chiến tranh, giành thắng lợi càng sớm càng tốt.

II.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất, thực hành tiết kiệm, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

- Đây là một kinh nghiệm đồng thời là truyền thống chống giặc ngoại xâm trước kia cũng như cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

- Với tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, trong chiến tranh chúng ta phải vừa kháng chiến, vừa duy trì và đẩy mạnh sản xuất bảo đảm nhu cầu vật chất, kỹ thuật cho chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân.

II.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

- Hiện nay kẻ địch đang đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá cách mạng nước ta. Nếu chiến tranh xảy ra, địch sẽ tăng cường đánh phá ta bằng nhiều biện pháp.

- Vì vậy, đi đôi với đấu tranh quân sự trên chiến trường, ta phải kịp thời trấn áp mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch ở hậu phương, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc hậu phương, giữ vững sự chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến đánh thắng kẻ thù.

II.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

- Cuộc chiến tranh xâm lược của địch là tàn bạo và vô nhân đạo, sẽ bị nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối.

- Đoàn kết mở rộng quan hệ, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới, kể cả nhân dân nước có quân xâm lược

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC

III.1. Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân

- Thể trận chiến tranh nhân dân là sự tổ chức, bố trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến.

- Thể trận chiến tranh bố trí rộng trên cả nước nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh toàn diện, có khả năng độc lập tác chiến, đồng thời phối hợp với bộ đội chủ lực và đơn vị bạn đánh địch liên tục, dài ngày, liên kết thành thể trận làng nước.

III.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân.

- Lực lượng chiến tranh nhân dân là toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

- Lực lượng toàn dân được tổ chức chặt chẽ thành lực lượng quần chúng rộng rãi và lực lượng quân sự.

- Lực lượng vũ trang nhân dân được xây dựng vững mạnh toàn diện, coi trọng cả chất lượng và số lượng, trong đó lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.

III.3. Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ

từ bên trong.

- Kẻ thù xâm lược nước ta có thể sẽ sử dụng lực lượng tiên công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ ở bên trong, đánh nhanh giải quyết nhanh, vì vậy buộc ta phải chủ động ngăn chặn ý đồ của chúng, không để kẻ địch cấu kết với nhau.

- Trong quá trình chuẩn bị lực lượng vũ trang phải có kế hoạch, phương án chiến đấu và được phổ biến quán triệt đến mọi người, dự kiến và kết hợp xử lý các tình huống chiến đấu xảy ra.

KẾT LUẬN

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, ta vẫn phải “lấy ít đánh nhiều”, lấy nhỏ đánh lớn”, chống lại kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự lớn hơn ta nhiều lần.

Từ tính chất và đặc điểm của chiến tranh, chúng ta phải nắm vững và vận dụng sáng tạo những quan điểm của Đảng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc để phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam, xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh vững mạnh, xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc, đặc biệt là thế trận lòng dân, chuẩn bị mọi mặt chu đáo, sẵn sàng đánh thắng địch trong mọi tình huống./.

Sinh viên phải nhận thức đúng đắn về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lòng tin chiến thắng, chăm chỉ học tập, rèn luyện toàn diện để trở thành công dân tốt, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

BÀI 5: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

I. ĐẶC ĐIỂM VÀ NHỮNG QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC CƠ BẢN XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN.

I.1. Khái niệm:

- Là các tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hòa xã hội Việt nam quản lý, có nhiệm vụ:

- + Chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- + Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành quả cách mạng
- + Cùng toàn dân xây dựng đất nước
- + Là lực lượng xung kích trong khởi nghĩa toàn dân giành chính quyền.
- + Là lực lượng nòng cốt của quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và chiến tranh nhân dân.

I.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

I.2.1. Cả nước đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong khi chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá ta quyết liệt.

- Hai nhiệm vụ chiến lược trên có mối quan hệ chặt chẽ, tác động với nhau để cùng thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

- Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình”, chống phá cách mạng Việt Nam về mọi mặt, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân là một trọng điểm.

- Chúng ta cần phải nắm chắc âm mưu, thủ đoạn chiến lược “Diễn biến hòa bình” của địch để có kế hoạch phòng ngừa, bảo đảm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về mọi mặt

I.1.2. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp.

- Tình hình thế giới:

Chủ nghĩa xã hội ở Liên xô (cũ) và Đông Âu sụp đổ, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới gặp nhiều khó khăn. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, chạy đua vũ trang (nhất là chạy đua vũ khí hạt nhân), khủng bố, tranh chấp biên giới, tài nguyên diễn ra ở nhiều nơi tính chất ngày càng phức tạp.

- Khu vực Đông Nam Á:

Vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định, các nước lớn đang tăng cường ảnh hưởng của mình để lôi kéo các nước ASEAN.

I.2.3. Sự nghiệp đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đất nước ta bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới toàn diện hơn.

- Thuận lợi cơ bản:

- + Tiềm lực và vị thế nước ta được tăng cường
- + Đảng có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đường lối độc lập tự chủ, sáng tạo.
- + Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.
- + Lực lượng vũ trang ta tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, nhân dân.
- + Trên cơ sở phát huy những thuận lợi của nước ta trong hiệp hội ASEAN, thành viên tổ chức thương mại thế giới để giữ vững môi trường hoà bình và phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa... Đó là nền tảng vững chắc để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Thách thức lớn:

- + Tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới;
- + Suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí;
- + Những biểu hiện xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa;
- + Các thế lực thù địch thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ.

I.2.4. Thực trạng của lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Trong những năm qua, lực lượng vũ trang nhân dân ta đã có những bước trưởng thành lớn mạnh cả về bản lĩnh chính trị, chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh chiến đấu không ngừng được nâng lên. Tuy vậy, cần tập trung tháo gỡ một số vấn đề sau :

- Về chất lượng chính trị: Trên thực tế, trình độ lý luận, tính nhạy bén, sắc sảo và bản lĩnh chính trị của không ít cán bộ, chiến sĩ ta chưa tương xứng với vị trí, yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Về khả năng chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân còn có những mặt hạn chế, chưa đáp ứng được các tình huống phức tạp (nếu xảy ra). Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ còn có những nội dung bất cập, chưa thật sát với nhiệm vụ và năng lực thực hành theo cương vị đảm nhiệm.

- Trình độ chính quy của Quân đội ta chưa đáp ứng được yêu cầu tác chiến hiện đại. Chấp hành kỷ luật của một bộ phận lực lượng vũ trang còn chuyển biến chậm, vẫn dễ xảy ra những vụ việc, ảnh hưởng đến sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang.

- Về trang bị của lực lượng vũ trang còn lạc hậu, thiếu đồng bộ. Vấn đề nghiên cứu phát triển hoàn thiện nền khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời kỳ mới cần được tổ chức một cách khoa học, phối hợp chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và thực tiễn...

I.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

I.3.1. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lực lượng vũ trang nhân dân

- *Ý nghĩa:*

Là quan điểm, nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang sẽ quyết định bản chất cách mạng, mục tiêu, phương hướng chiến đấu, đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động, bảo đảm nắm chắc quân đội trong mọi tình huống. Thực tiễn cách mạng Việt Nam qua mấy chục năm qua đã chứng minh điều đó.

- *Nội dung:*

+ Đảng Cộng sản Việt Nam độc tôn lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân theo nguyên tắc “tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt”, Đảng không nhường hoặc chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ giai cấp, lực lượng tổ chức nào. Đảng có hệ thống tổ chức từ trung ương đến cơ sở, lãnh đạo mọi hoạt động của lực lượng vũ trang.

+ Trong Quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng lãnh đạo theo hệ thống dọc từ Đảng ủy quân sự Trung ương đến các đơn vị cơ sở trong toàn quân. Trực tiếp lãnh đạo các đơn vị ở địa phương (bộ đội địa phương và dân quân tự vệ) là các cấp ủy đảng ở địa phương.

+ Đảng lãnh đạo trên mọi mặt hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức... cả trong xây dựng và chiến đấu.

I.3.2. Tự lực tự cường xây dựng lực lượng vũ trang

- *Cơ sở:* Từ truyền thống, kinh nghiệm trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta; từ tư tưởng Hồ Chí Minh về “xây dựng lực lượng vũ trang” và thực tiễn xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong mấy chục năm qua.

- *Nội dung:* Tự lực tự cường dựa vào sức mình để xây dựng, để giữ vững tính độc lập tự chủ, chủ động không bị chi phối ràng buộc.

+ Nâng cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục mọi khó khăn xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

+ Triệt để tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi về khoa học- công nghệ để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân. Tập trung từng bước hiện đại hoá trang bị kỹ thuật quản lý khai thác bảo quản có hiệu quả trang bị hiện có...

+ Tích cực đẩy mạnh phát triển kinh tế và thực hành tiết kiệm.

I.3.3. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở

- *Cơ sở:*

+ Xuất phát từ lí luận Mác- Lênin về mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng

+ Truyền thống xây dựng lực lượng vũ trang của ông cha ta “binh quý hồ tinh, bất quý hồ đa”

+ Từ thực tiễn xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng chất lượng, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở...

+ Từ sự chống phá của kẻ thù trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ nhằm phi chính trị hóa quân đội...

- *Nội dung:*

+ Nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Nâng cao chất lượng là chính, đồng thời phải có số lượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và khả năng kinh tế của đất nước.

+ Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có chất lượng, toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức

+ Về chính trị phải thường xuyên làm tốt công tác quán triệt, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân tin tưởng vào đường lối quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước.

+ Chăm lo xây dựng, củng cố các tổ chức chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh (tổ chức đảng, đoàn thanh niên, hội đồng quân nhân...).

+ Chăm lo xây dựng cơ quan chính trị vững mạnh, đội ngũ cán bộ chính trị, đảng viên có phẩm chất năng lực tốt đủ sức lãnh đạo đơn vị.

I.3.4. Bảo đảm lực lượng vũ trang luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi

- *Cơ sở*: Đây là quan điểm phản ánh chức năng, nhiệm vụ chủ yếu cơ bản, thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân, có ý nghĩa quan trọng bảo đảm cho lực lượng vũ trang chủ động đối phó kịp thời và thắng lợi trong mọi tình huống xảy ra.

- *Nội dung*:

+ Lực lượng vũ trang nhân dân phải luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, đánh địch kịp thời, bảo vệ được mình, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống.

+ Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về mọi mặt, duy trì và chấp hành nghiêm các chế độ, quy định về sẵn sàng chiến đấu, trực ban, trực chiến, trực chỉ huy...

II. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Phương hướng chung: Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 khóa IX về chiến lược bảo vệ Tổ quốc xác định: “Tập trung xây dựng quân đội, công an có bản lĩnh chính trị vững vàng, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc, nhân dân. Với tổ chức biên chế, đầu tư ngân sách hợp lý, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Đây là cơ sở để xác định phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang.

II.1. Xây dựng quân đội nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

II.1.1. Xây dựng quân đội cách mạng:

Đây là vấn đề cơ bản hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng quân đội của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng.

- *Nội dung*:

+ Xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, làm cho lực lượng này tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân.

+ Chấp hành mọi đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

+ Kiên định mục tiêu lí tưởng xã hội chủ nghĩa, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

+ Trước diễn biến tình hình phải phân biệt được đúng sai

+ Có tinh thần đoàn kết quân dân, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế tốt

+ Kỉ luật tự giác nghiêm minh, dân chủ rộng rãi

II.1.2. Chính qui:

Là thực hiện thống nhất về mọi mặt (tổ chức, biên chế, trang bị). Dựa trên những chế độ, điều lệnh qui định, đưa mọi hoạt động của quân đội vào nền nếp nhằm thống nhất ý chí và hành động để tăng cường sức mạnh chiến đấu tổng hợp của quân đội.

- *Nội dung*:

+ Thống nhất về bản chất cách mạng, mục tiêu chiến đấu, về ý chí quyết tâm, nguyên tắc xây dựng quân đội, về tổ chức biên chế trang bị.

+ Thống nhất về quan điểm tư tưởng quân sự, nghệ thuật quân sự, về phương pháp huấn luyện giáo dục.

+ Thống nhất về tổ chức thực hiện chức trách nề nếp chế độ chính qui, về quản lí bộ đội, quản lí trang bị.

II.1.3. Tinh nhuệ:

Biểu hiện mọi hoạt động của quân đội trên các lĩnh vực đạt hiệu quả cao.

- *Nội dung:*
- + Tinh nhuệ về chính trị: Trước diễn biến của tình hình, có khả năng phân tích và kết luận chính xác đúng sai, từ đó có thái độ đúng đắn với sự việc đó.
- + Tinh nhuệ về tổ chức: Tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.
- + Tinh nhuệ về kỹ chiến thuật: Phải giỏi sử dụng các loại binh khí kỹ thuật hiện có, biết sử dụng trang bị vũ khí hiện đại. Giỏi các cách đánh, vận dụng mưu trí sáng tạo các hình thức chiến thuật.

II.1.4. Từng bước hiện đại:

- *Nội dung:* Từng bước đổi mới vũ khí, trang bị kỹ thuật cho quân đội
- + Xây dựng quân đội nhân dân có bản lĩnh trí tuệ và năng lực hành động, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại.
- + Phát triển các quân binh chủng kỹ thuật hiện đại, hệ thống công nghiệp quốc phòng hiện đại
- + Phát triển nghệ thuật quân sự, khoa học quân sự hiện đại
- + Những nội dung trên là cả một quá trình phấn đấu lâu dài mới đạt được, hiện nay ta phải thực hiện bước đi: “từng bước”, nghĩa là phải dần dần bằng khả năng của nền kinh tế và trình độ khoa học của đất nước.
- + Thực hiện sản xuất mới kết hợp với phục hồi sửa chữa cải tiến vũ khí trang bị hiện có và mua một số vũ bị cần thiết.

II.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết có thể động viên nhanh theo kế hoạch.

II.3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

- Bác Hồ nói: “Dân quân tự vệ và du kích là một lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc, vô luận kẻ thù hung bạo thế nào, hễ đụng đến lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã”.

Năm 1990, Chính phủ ban hành Điều lệ Dân quân tự vệ.

Năm 2004, Chính phủ ban hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ

Năm 2009, Luật Dân quân tự vệ được ban hành, đây là sự thể chế hoá đường lối, quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng.

- *Nội dung:*

- + Dân quân tự vệ được xây dựng rộng khắp ở tất cả các thôn, xóm, bản làng, nông trường, công trường, doanh nghiệp, nhưng có trọng điểm, chú ý hình thức phù hợp trong các thành phần kinh tế.
- + Chú trọng xây dựng cả về số lượng và chất lượng, lấy chất lượng là chính, tổ chức biên chế phù hợp. Huấn luyện phải thiết thực, hiệu quả.
- + Có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân quân tự vệ. Thực hiện các chính sách với dân quân tự vệ.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

- *Chấn chỉnh tổ chức biên chế lực lượng vũ trang nhân dân*
- Bộ đội chủ lực: Tổ chức các đơn vị phải gọn, mạnh, cơ động nhanh, có sức chiến đấu cao. Bố trí các binh đoàn chủ lực phải gắn với thế trận quốc phòng- an ninh nhân dân trên cả nước cũng như từng vùng chiến lược.
- + Bộ đội địa phương: Phải căn cứ vào tình hình cụ thể để tổ chức và bố trí cho phù hợp với từng địa phương và thế trận cả nước.
- Dân quân tự vệ: Được tổ chức trên cơ sở lực lượng chính trị ở từng đơn vị hành chính, đơn vị sản xuất và dân cư ở cơ sở, có số lượng phù hợp chất lượng cao.

- Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự Việt Nam.
- Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang nhân dân.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt.
- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân.

BÀI 6: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở VIỆT NAM

- Kinh tế, quốc phòng, an ninh là ba mặt hoạt động cơ bản nhất quyết định sự tồn tại và phát triển của mọi quốc gia.

+ Hoạt động kinh tế là hoạt động cơ bản, thường xuyên, gắn với sự tồn tại của xã hội loài người. Đó là quá trình hoạt động sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất phục vụ cho nhu cầu đời sống con người.

+ Quốc phòng là công việc giữ nước của một quốc gia, bao gồm tổng thể các hoạt động đối nội và đối ngoại trên tất cả mọi lĩnh vực nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường thuận lợi để xây dựng đất nước.

+ An ninh là trạng thái trật tự xã hội ổn định an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội. Bảo vệ an ninh luôn kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng.

- Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ở nước ta là hoạt động tích cực, chủ động của Nhà nước và nhân dân trong việc gắn kết chặt chẽ hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh trong một chỉnh thể thống nhất trên phạm vi cả nước cũng như ở từng địa phương, thúc đẩy nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ cách mạng, Đảng ta xác định phải kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh trong một chỉnh thể thống nhất là hoàn toàn đúng đắn trên cơ sở lý luận và thực tiễn.

I.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

- Kinh tế, quốc phòng, an ninh là những mặt hoạt động cơ bản của mỗi quốc gia, dân tộc độc lập có chủ quyền. Mỗi lĩnh vực có mục đích, cách thức hoạt động riêng và chịu sự chi phối của hệ thống quy luật riêng, song giữa chúng lại có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó kinh tế quyết định đến quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh tác động trở lại với kinh tế, bảo vệ và tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển.

- Kinh tế quyết định đến sức mạnh của quốc phòng, an ninh.

+ Kinh tế quyết định đến nguồn gốc ra đời, sức mạnh của quốc phòng, an ninh. Lợi ích kinh tế làm nảy sinh các mâu thuẫn và xung đột trong xã hội. Để giải quyết mâu thuẫn đó cần phải có quốc phòng, an ninh.

+ Bản chất kinh tế - xã hội quyết định bản chất của quốc phòng - an ninh.

+ Kinh tế quyết định đến việc cung cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực cho hoạt động quốc phòng, an ninh. Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Không có gì phụ thuộc vào kinh

tế tiên quyết hơn là chính quân đội và hạm đội”. Vì vậy, để xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh, phải xây dựng và phát triển kinh tế.

+ Kinh tế quyết định đến việc cung cấp số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh, qua đó quyết định đến tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang;

+ Quyết định đến đường lối chiến lược quốc phòng, an ninh.

- *Quốc phòng không chỉ phụ thuộc vào kinh tế mà còn tác động trở lại với kinh tế - xã hội trên cả góc độ tích cực và tiêu cực.*

+ Quốc phòng – an ninh vững mạnh sẽ tạo môi trường hoà bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tiêu dùng cho hoạt động quốc phòng – an ninh, ở mức độ nhất định cũng có kích thích kinh tế phát triển: sản xuất sản phẩm hoặc mở rộng quan hệ đối ngoại để đáp ứng nhu cầu sản phẩm; quốc phòng, an ninh còn là thị trường tiêu thụ sản phẩm của nền kinh tế.

+ Hoạt động quốc phòng, an ninh tiêu tốn đáng kể một phần nguồn nhân lực, vật lực, tài chính của xã hội. Những tiêu dùng này, như V.I. Lê nin đánh giá là tiêu dùng “mất đi”, không quay vào tái sản xuất xã hội.

+ Hoạt động quốc phòng, an ninh còn ảnh hưởng đến đường lối phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế.

+ Hoạt động quốc phòng, an ninh còn có thể dẫn đến huỷ hoại môi trường sinh thái, để lại hậu quả nặng nề cho kinh tế, nhất là khi chiến tranh xảy ra.

Để hạn chế những tác động tiêu cực của quốc phòng – an ninh cần phải kết hợp việc tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh với phát triển kinh tế - xã hội vào một chỉnh thể thống nhất.

I.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp:

- *Trên thế giới:*

Theo tiến trình phát triển, các quốc gia trên thế giới, dù là nước lớn hay nước nhỏ; kinh tế phát triển hay chưa phát triển; dù chế độ chính trị như thế nào thì mỗi quốc gia cũng đều chăm lo thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, kể cả những nước mà hàng trăm năm nay chưa có chiến tranh.

Các nước khác nhau, với chế độ chính trị - xã hội khác nhau, điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì sự kết hợp cũng có sự khác nhau về mục đích, nội dung, phương thức và kết quả. Ngay trong một nước, trong mỗi giai đoạn phát triển thì sự kết hợp cũng khác nhau.

- *Ở Việt Nam:*

Sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh đã có lịch sử lâu dài gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước; là quy luật tồn tại, phát triển của dân tộc ta.

+ Trước kia, đứng trước nguy cơ thường xuyên bị đe dọa, xâm lược của kẻ thù, để xây dựng và phát triển đất nước, ông cha ta đã có những chủ trương, kế sách thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong quá trình dựng nước và giữ nước. Ông cha ta đã đề ra các kế sách giữ nước với tư tưởng: “nước lấy dân làm gốc”, “dân giàu, nước mạnh”, “quốc phú binh cường”; thực hiện kế sách “ngụ binh ư nông”, “động vi binh, tĩnh vi dân”, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để “yên dân” mà “vẹn đất”.

+ Từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, do nắm vững quy luật và biết kế thừa kinh nghiệm lịch sử nên đã thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954): Đảng đề ra chủ trương “vừa kháng chiến vừa kiến quốc”, “vừa chiến đấu vừa sản xuất, thực hành tiết kiệm”; chúng ta đồng thời thực hiện phát triển kinh tế địa phương “xây dựng làng kháng chiến”, địch đến thì đánh, địch lui ta lại tăng gia sản xuất.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, (1954 - 1975): Ở miền Bắc, để bảo vệ xã hội chủ nghĩa và xây dựng hậu phương lớn cho miền Nam đánh giặc, Đại hội III của Đảng đã đề ra chủ trương: “trong xây dựng kinh tế, phải thấu suốt nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, cũng như trong củng cố quốc phòng phải khéo sắp xếp cho ăn khớp với công cuộc xây dựng kinh tế”.

Ở miền Nam, Đảng chỉ đạo quân và dân ta kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với củng cố mở rộng hậu phương, xây dựng căn cứ địa miền Nam vững mạnh. Đây chính là một điều kiện cơ bản bảo đảm cho cách mạng nước ta đi đến thắng lợi.

+ Thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 đến nay): Đảng ta khẳng định kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh là một nội dung quan trọng trong đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và được triển khai trên qui mô rộng lớn, toàn diện hơn, có bước chuyển biến mới cả trong nhận thức và tổ chức thực hiện, đã thu được nhiều kết quả quan trọng.

II. NỘI DUNG KẾT HỢP SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG Củng CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

II.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố QP- AN phải được thể hiện ngay trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Mục tiêu và phương hướng tổng quát phát triển kinh tế - xã hội nước ta từ năm 2010 đến 2020 đã được Đại hội XI của Đảng quyết định, đó là:

+ Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

- + Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt
- + Chính trị xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương đồng thuận
- + Độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững
- + Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên
- + Tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau

Như vậy, trong mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã bao quát toàn diện các vấn đề của đời sống xã hội, trong đó nổi lên ba vấn đề lớn là: tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại.

II.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ nhằm tạo ra thế bố trí chiến lược mới cả về kinh tế lẫn quốc phòng, an ninh trên từng vùng lãnh thổ, trên địa bàn tỉnh, thành phố, theo ý đồ phòng thủ chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

- Hiện nay, nước ta đã phân chia thành các vùng kinh tế lớn và các vùng chiến lược, các quân khu. Các vùng chiến lược khác nhau có sự khác nhau về đặc điểm và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh nên nội dung kết hợp cụ thể trong mỗi vùng có thể có sự khác nhau. Tuy vậy, sự kết hợp phải được thể hiện những nội dung chủ yếu như sau:

+ Một là, kết hợp trong xây dựng chiến lược, qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng an ninh trên địa bàn từng tỉnh, thành phố.

+ Hai là, kết hợp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, cơ cấu kinh tế địa phương với xây dựng các khu phòng thủ then chốt, các cụm chiến đấu liên hoàn, các xã (phường) chiến đấu trên địa bàn của các tỉnh (thành phố), quận (huyện).

+ Ba là, kết hợp trong quá trình phân công lại lao động, phân bố lại dân cư với tổ chức xây dựng và điều chỉnh, sắp xếp, bố trí lại lực lượng quốc phòng, an ninh trên từng địa

bàn.

+ Bốn là, kết hợp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình quốc phòng, quân sự, phòng thủ dân sự, thiết bị chiến trường... Bảo đảm tính “luồng dụng” trong mỗi công trình được xây dựng.

+ Năm là, kết hợp xây dựng các cơ sở, kinh tế vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần, kỹ thuật và hậu phương vững chắc..

- Xuất phát từ đặc điểm tiềm năng phát triển kinh tế cũng như vị trí địa chính trị, quân sự, quốc phòng, an ninh của các vùng lãnh thổ trong cả nước, hiện nay Đảng ta xác định phải chú trọng nhiều hơn cho các vùng kinh tế trọng điểm, vùng biển đảo và vùng biên giới.

+ *Đối với vùng kinh tế trọng điểm:*

Hiện nay, nước ta xác định 3 vùng kinh tế trọng điểm: phía Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh); phía Nam (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu); miền Trung (Đà Nẵng, Thừa Thiên – Huế, Dung Quất – Quảng Ngãi). Nội dung kết hợp cần tập trung vào các vấn đề như sau:

* Trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn qui mô trung bình, bố trí phân tán, trải đều trên diện rộng, không nên xây dựng tập trung thành những siêu đô thị lớn, để thuận lợi cho quản lí, giữ gìn an ninh chính trị trong thời bình và hạn chế hậu quả khi có chiến tranh.

* Phải kết hợp chặt chẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với kết cấu hạ tầng của nền quốc phòng toàn dân. Gắn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với các công trình phòng thủ, các thiết bị chiến trường, các công trình phòng thủ dân sự...

* Trong quá trình xây dựng các khu công nghiệp tập trung, đặc khu kinh tế phải có sự gắn kết với qui hoạch xây dựng lực lượng quốc phòng – an ninh, các tổ chức chính trị, đoàn thể ngay trong các tổ chức kinh tế đó.

* Việc xây dựng, phát triển kinh tế ở các vùng kinh tế trọng điểm phải nhằm đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh thời bình và thời chiến.

+ *Đối với vùng núi biên giới:*

* Phải quan tâm đầu tư phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh ở các vùng cửa khẩu, các vùng giáp biên giới với các nước.

* Phải tổ chức tốt việc định canh, định cư tại chỗ và có chính sách phù hợp để động viên, điều chỉnh dân số từ các nơi khác đến vùng núi biên giới.

* Tập trung xây dựng các xã trọng điểm về kinh tế và quốc phòng, an ninh.

* Thực hiện tốt chương trình xóa đói, giảm nghèo, chương trình 135 về phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã nghèo.

* Đối với những nơi có địa thế quan trọng, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, cần kết hợp mọi nguồn lực, mọi lực lượng của cả Trung ương và địa phương để cùng giải quyết.

+ *Đối với vùng biển đảo:*

* Tập trung trước hết vào xây dựng, hoàn thiện chiến lược phát triển kinh tế và xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh bảo vệ biển, đảo.

* Xây dựng qui hoạch, kế hoạch từng bước đưa dân ra vùng ven biển và các tuyến đảo gần trước để có lực lượng xây dựng căn cứ hậu phương, bám trụ phát triển kinh tế và bảo vệ biển, đảo một cách vững chắc, lâu dài.

* Phát triển các loại hình dịch vụ trên biển, đảo, tạo điều kiện cho dân bám trụ, sinh sống và làm ăn

* Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện mở rộng liên kết làm ăn kinh tế ở vùng biển, đảo thuộc chủ quyền nước ta với các nước phát triển

- * Chú trọng đầu tư phát triển chương trình đánh bắt xa bờ
- * Xây dựng phương án đối phó với các tình huống có thể xảy ra ở vùng biển đảo nước ta.

II.3. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu.

II.3.1. Một là, kết hợp trong công nghiệp

- Kết hợp quy hoạch bố trí các đơn vị kinh tế của ngành công nghiệp.
- Tập trung đầu tư một số ngành công nghiệp liên quan đến quốc phòng
- Phát triển công nghiệp quốc gia theo hướng mỗi nhà máy, xí nghiệp vừa có thể sản xuất hàng dân dụng, vừa có thể sản xuất hàng quân sự.
- Các nhà máy công nghiệp quốc phòng trong thời bình, ngoài việc sản xuất ra hàng quân sự phải tham gia sản xuất hàng dân sự chất lượng cao phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- Mở rộng liên doanh, liên kết giữa ngành công nghiệp nước ta (bao gồm công nghiệp quốc phòng) với công nghiệp của các nước tiên tiến trên thế giới, ưu tiên những ngành, lĩnh vực có tính lưỡng dụng cao.
- Thực hiện chuyển giao công nghệ hai chiều, từ công nghiệp quốc phòng vào công nghiệp dân dụng và ngược lại.
- Phát triển hệ thống phòng không công nghiệp và phát triển lực lượng tự vệ để bảo vệ các nhà máy, xí nghiệp trong cả thời bình và thời chiến
- Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc gia phục vụ thời chiến.

II.3.2. Hai là, kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp

- Hiện nay nước ta vẫn còn hơn 70% dân số sống ở nông thôn và làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp. Phần lớn lực lượng, của cải huy động cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là từ khu vực này.
- Nội dung kết hợp cần chú trọng:
 - + Kết hợp phải nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đất, rừng, biển đảo và lực lượng lao động để phát triển đa dạng các ngành trong nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.
 - + Kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp phải gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội như xoá đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ, đền ơn đáp nghĩa.
 - + Phải đẩy mạnh phát triển trồng rừng gắn với công tác định canh định cư, xây dựng các cơ sở chính trị vững chắc ở các vùng rừng núi biên giới, đặc biệt là ở Tây bắc, Tây nguyên và Tây nam bộ.

II.3.3. Ba là, kết hợp trong giao thông vận tải, bưu điện, y tế, khoa học – công nghệ, giáo dục và xây dựng cơ bản:

- Trong giao thông vận tải:
 - + Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ cả đường bộ, đường sắt, đường không, đường thuỷ, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá trong nước và mở rộng giao lưu với nước ngoài.
 - + Trong xây dựng các mạng đường bộ, cần chú trọng mở rộng, nâng cấp các tuyến đường trục Bắc – Nam với tuyến đường trục dọc Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh.
 - + Trong thiết kế, thi công các công trình giao thông vận tải, đặc biệt là các tuyến vận tải chiến lược, phải tính đến cả nhu cầu hoạt động thời bình và thời chiến.
 - + Phải thiết kế, xây dựng lại hệ thống đường ống dẫn dầu Bắc – Nam, chôn sâu bí mật, có đường vòng tránh trên từng cung đoạn, bảo đảm hoạt động an toàn cả thời bình và thời chiến.
 - + Ở vùng đồng bằng ven biển, đi đôi với phát triển hệ thống đường bộ, cần chú trọng cải tạo, phát triển đường sông, đường biển, xây dựng các cảng sông, cảng biển, bảo đảm đi

lại, bốc dỡ thuận tiện.

- + Việc mở rộng nâng cấp sân bay phải chú ý cả sân bay ở tuyến sau, ở sâu trong nội địa, sân bay dã chiến và có kế hoạch sử dụng cả đường cao tốc làm đường băng cho máy bay khi cần thiết trong chiến tranh.

- + Xây dựng kế hoạch động viên giao thông vận tải cho thời chiến

- *Trong bưu chính viễn thông:*

- + Phải kết hợp chặt chẽ giữa ngành bưu điện quốc gia với ngành thông tin quân đội, công an để phát triển hệ thống thông tin quốc gia hiện đại, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, an toàn thông tin liên lạc phục vụ lãnh đạo chỉ huy, điều hành đất nước trong mọi tình huống, cả thời bình và thời chiến.

- + Có phương án thiết kế xây dựng và bảo vệ hệ thống thông tin liên lạc một cách vững chắc trong mọi tình huống

- + Các phương tiện thông tin liên lạc và điện tử cần phải được bảo đảm bí mật và có khả năng chống nhiễu cao, phòng chống chiến tranh thông tin điện tử của địch

- + Khi hợp tác với nước ngoài về xây dựng, mua sắm các thiết bị thông tin điện tử phải cảnh giác cao, lựa chọn đối tác, có phương án chống âm mưu phá hoại của địch

- + Xây dựng kế hoạch động viên thông tin liên lạc cho thời chiến

- *Trong xây dựng cơ bản:*

- + Khi xây dựng bất cứ công trình nào, ở đâu, qui mô nào cũng phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và có thể chuyển hoá phục vụ được cho cả quốc phòng, an ninh, cho phòng thủ tác chiến và phòng thủ dân sự.

- + Khi xây dựng các thành phố đô thị, phải gắn các khu vực phòng thủ địa phương, phải xây dựng các công trình ngầm.

- + Khi xây dựng các khu công nghiệp tập trung, các nhà máy, xí nghiệp lớn, quan trọng đều phải tính đến khả năng bảo vệ và di dời khi cần thiết. Hạn chế xâm phạm các địa hình có giá trị về phòng thủ quân sự, quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.

- + Đối với các xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cần kết hợp trong nghiên cứu, sáng chế, chế tạo những vật liệu siêu bền, có khả năng chống xuyên, chống mặn, chống bức xạ, dễ vận chuyển phục vụ các công trình phòng thủ, công sự trận địa của lực lượng vũ trang và của khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố.

- + Khi cấp phép đầu tư xây dựng cho các đối tác nước ngoài, phải có sự tham gia ý kiến của cơ quan quân sự có thẩm quyền.

- *Trong khoa học và công nghệ, giáo dục:*

- + Phải phối hợp chặt chẽ và toàn diện hoạt động giữa các ngành khoa học và công nghệ then chốt của cả nước với các ngành khoa học của quốc phòng, an ninh trong việc hoạch định chiến lược nghiên cứu phát triển và quản lý sử dụng phục vụ cho cả xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

- + Nghiên cứu ban hành chính sách các tổ chức cá nhân có đề tài khoa học, dự án công nghệ và sản xuất các sản phẩm có ý nghĩa vừa phục vụ cho nhu cầu CNH, HĐH đất nước vừa phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

- + Coi trọng, giáo dục và bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài của đất nước, đáp ứng sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, đặc biệt là trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc gia.

- *Trong lĩnh vực y tế:*

- + Phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa ngành y tế dân sự với y tế quân sự trong nghiên cứu, ứng dụng, trong đào tạo nguồn nhân lực, trong khám chữa bệnh cho nhân dân, bộ đội và cho người nước ngoài.

- + Xây dựng mô hình quân dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là ở miền núi, biên giới, hải đảo.

+ Xây dựng kế hoạch động viên y tế dân sự cho quân sự khi có chiến tranh. Phát huy vai trò của y tế quân sự trong phòng chống, khám chữa bệnh cho nhân dân thời bình và thời chiến.

II.3.4. Bốn là, kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc:

- Tổ chức biên chế và bố trí lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và nhu cầu phòng thủ đất nước.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất trong huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang.

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của quân đội, công an cho phát triển kinh tế, xã hội.

- Phát huy tốt vai trò tham mưu của các cơ quan quân sự, công an trong việc thẩm định, đánh giá các dự án đầu tư, nhất là các dự án có vốn nước ngoài.

II.3.5. Năm là, kết hợp trong hoạt động đối ngoại:

- Mở rộng hoạt động đối ngoại phải quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giữ gìn bản sắc dân tộc, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình.

- Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, phải kết hợp từ khâu lựa chọn đối tác.

- Kết hợp trong việc phân bổ đầu tư vào ngành nào, địa bàn nào có lợi cho phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các quốc gia. Khắc phục tình trạng chỉ thấy lợi ích kinh tế trước mắt mà không tính đến lợi ích lâu dài và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Kết hợp trong xây dựng và quản lý các khu chế xuất, các đặc khu kinh tế kinh doanh, liên kết với đầu tư nước ngoài, bảo vệ chủ quyền an ninh đất nước, chú trọng xây dựng các đoàn hội, lực lượng tự vệ trên cơ sở Nhà nước có luật pháp qui định rõ ràng.

- Phát huy vai trò của cán bộ, nhân viên các đại sứ quán, lãnh sự quán của nước ta ở nước ngoài trong việc quảng bá sản phẩm hàng hoá, truyền thống Việt Nam.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GẮN VỚI TĂNG CƯỜNG CUNG CỐ QUỐC PHÒNG – AN NINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.

III.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh.

- *Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong việc kết hợp:*

+ Thường xuyên nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, kịp thời đề ra những quyết định lãnh đạo ngành, địa phương mình, thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh một cách đúng đắn

+ Gắn chủ trương lãnh đạo với tăng cường kiểm tra việc thực hiện của chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế thực hiện chủ trương đường lối về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh

+ Tổ chức tốt việc sơ, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời để bổ sung chủ trương và chỉ đạo thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh ở ngành, địa phương thuộc phạm vi lãnh đạo của các cấp ủy Đảng

- *Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp trong việc kết hợp:*

+ Từng cấp làm đúng chức năng, nhiệm vụ theo qui định của pháp luật.

+ Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các qui hoạch, kế hoạch kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh ở ngành, bộ, địa phương cơ sở của mình dài hạn và hàng năm.

+ Đổi mới nâng cao qui trình, phương pháp quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từ khâu lập qui hoạch, kế hoạch, nắm tình hình, thu thập xử lý thông tin, định hướng hoạt động, tổ chức hướng dẫn chỉ đạo cấp dưới và kiểm tra ở mọi khâu, mọi bước của quá

trình thực hiện.

III.2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh cho các đối tượng.

- Đối tượng bồi dưỡng: Phải phổ cập kiến thức quốc phòng – an ninh cho toàn dân nhưng trước hết phải tập trung vào đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp, các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, cơ sở

- Nội dung bồi dưỡng: Phải căn cứ vào đối tượng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra để chọn lựa nội dung, chương trình bồi dưỡng cho phù hợp.

- Hình thức bồi dưỡng: Phải kết hợp bồi dưỡng tại trường với tại chức, kết hợp lý thuyết với thực hành, để nâng sự hiểu biết và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ và của toàn dân, toàn quân.

III.3. Xây dựng chiến lược cụ thể kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh trong thời kì mới.

- Hiện nay, nước ta đã và đang xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh đến năm 2020. Thực tiễn, sự vận dụng quy luật kinh tế, quốc phòng – an ninh và quán triệt quan điểm đường lối của Đảng đề ra còn nhiều mâu thuẫn và bất cập do thiếu định hướng chiến lược cơ bản cả ở tầm vĩ mô và vi mô.

- Trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch chiến lược tổng thể về phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh và đối ngoại trong thời kì mới, phải có sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương từ khâu khảo sát, đánh giá các nguồn lực.

III.4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng- an ninh trong tình hình mới.

- Mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến kết hợp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh đều phải thể chế hoá thành luật pháp, pháp lệnh, nghị định,... một cách đồng bộ, thống nhất để quản lí và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu lực và hiệu quả trong cả nước.

- Đảng và Nhà nước phải có chính sách khai thác các nguồn lực và vốn đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh, nhất là đối với các công trình trọng điểm, ở những địa bàn chiến lược trọng yếu như miền núi biên giới và hải đảo

- Việc xác lập cơ chế chính sách, bảo đảm ngân sách cho kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh cần phải được xây dựng theo quan điểm quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

- Phải có chính sách khuyến khích lợi ích vật chất và tinh thần đối với các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư (cả trong và ngoài nước) có các đề tài khoa học, các dự án công nghệ sản xuất, xây dựng có hiệu quả cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

III.5. Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp

- Căn cứ Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/05/2004 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương, các cấp có thẩm quyền cần nghiên cứu bổ sung mở rộng thêm chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh nói chung và kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh nói riêng trong thời kì mới.

- Kết hợp chặt chẽ giữa chấn chỉnh, kiện toàn tổ chức với chăm lo bồi dưỡng nâng cao năng lực và trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ chuyên trách làm tham mưu cho

Đảng, Nhà nước về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng trong thời kì mới.

KẾT LUẬN

- Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh là một tất yếu khách quan, một nội dung quan trọng trong đường lối phát triển đất nước của Đảng ta, nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược.

- Để thực hiện tốt việc kết hợp, cần quán triệt và thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó phải quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng cho toàn dân, nhất là cho sinh viên. Quá trình kết hợp phải được triển khai có kế hoạch, có cơ chế chính sách cụ thể, chặt chẽ, đồng bộ.

- Sinh viên cần học tập, nghiên cứu nâng cao nhận thức về sự tất yếu của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh. Từ đó xác định nghĩa vụ trách nhiệm công dân; học tập tốt, rèn luyện toàn diện; tham gia tích cực các hoạt động quốc phòng, an ninh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

BÀI 7: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

I. TRUYỀN THỐNG VÀ NGHỆ THUẬT ĐÁNH GIẶC CỦA ÔNG CHA TA

I.1. Đất nước trong buổi đầu lịch sử

Cách đây mấy nghìn năm, từ khi các vua Hùng mở nước Văn Lang, lịch sử dân tộc Việt nam bắt đầu thời đại dựng nước và giữ nước. Nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên của nước ta có lãnh thổ bao gồm vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay, nằm trên đầu mối những đường giao thông qua bán đảo Đông Dương và vùng Đông Nam Á. Nền văn minh sông Hồng mà đỉnh cao là văn hóa Đông Sơn rực rỡ, thành quả đáng tự hào của thời đại Hùng Vương.

Vì có vị trí địa lý thuận lợi nên nước ta luôn bị các thế lực ngoại xâm nhòm ngó, đe dọa vận mệnh đất nước. Do vậy, yêu cầu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập và cuộc sống đã sớm xuất hiện.

I.2. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc

- *Về địa lí:*

+ Nước ta có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực Đông Nam Á và biển Đông
+ Chúng ta có hệ thống giao thông đường bộ, đường biển, đường sông, đường không bảo đảm giao lưu trong khu vực châu Á và thế giới thuận lợi

+ Đã từ lâu nhiều kẻ thù đã nhòm ngó, đe dọa và tiến công xâm lược nước ta

+ Ông cha ta đã phát huy tối đa ưu thế của địa hình để lập thế trận đánh giặc.

- *Về kinh tế:*

+ Kinh tế nước ta là tự cung tự cấp, sản xuất nông nghiệp là chính, trong đó trồng trọt, chăn nuôi là chủ yếu, trình độ canh tác thấp

+ Quá trình phát triển, tổ tiên ta đã kết hợp chặt chẽ tư tưởng dựng nước phải đi đôi với giữ nước, thực hiện nhiều kế sách như: “phù quốc, binh cường”, “ngụ binh ư nông”...

+ Tích cực phát triển sản xuất, chăn nuôi để ổn định, nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời phát huy tính sáng tạo trong lao động, tự tạo ra vũ khí để chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc

- *Về chính trị, văn hoá – xã hội*

- + Chúng ta có 54 dân tộc anh em chung sống hoà thuận, đoàn kết
- + Dân tộc ta đã sớm xây dựng được Nhà nước, xác định chủ quyền lãnh thổ, tổ chức ra quân đội để cùng toàn dân đánh giặc, xây dựng và bảo vệ đất nước
- + Dân tộc ta đã xây dựng được nền văn hoá: đoàn kết, yêu nước thương nòi, sống hoà thuận, thủy chung, lao động cần cù, sáng tạo, đấu tranh anh dũng, kiên cường, bất khuất; một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc với kết cấu vững chắc: đất nước bao gồm làng, xã, thôn, bản và có nhiều dân tộc cùng chung sống, mỗi làng, xã, thôn bản có phong tục tập quán riêng.

I.3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược

- *Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên*
- + Cuộc kháng chiến chống quân Tần: trước năm 214 trước công nguyên, dưới sự lãnh đạo của vua Hùng và vua Thục Phán.
- + Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược của Triệu Đà, từ năm 184 đến 179 trước công nguyên, do An Dương Vương lãnh đạo bị thất bại
- + Đất nước ta rơi vào thảm họa hơn một nghìn năm phong kiến Trung Hoa đô hộ, lịch sử gọi là thời kỳ Bắc thuộc.
- *Những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược giành và giữ độc lập từ thế kỉ II trước công nguyên đến đầu thế kỉ X*
- + Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào năm 40, đã giành được độc lập và giữ vững được trong 3 năm.
- + Năm 248, cuộc khởi nghĩa của bà Triệu Thị Trinh, nhưng bị thất bại
- + Năm 542 là cuộc khởi nghĩa của Lý Bôn lật đổ chính quyền nhà Lương, giành thắng lợi, Lý Bôn lên ngôi hoàng đế (Lý Nam Đế), đặt quốc hiệu là Vạn Xuân
- + Khởi nghĩa của Lý Tự Tiên và Đinh Kiến năm 687
- + Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế) năm 722
- + Khởi nghĩa Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương) từ năm 766 đến 791.
- + Trận quyết chiến trên sông Bạch Đằng, Ngô Quyền đã cùng quân và dân ta giành lại được độc lập kết thúc hơn một nghìn năm Bắc thuộc, đất nước ta mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên của độc lập, tự chủ.
- *Các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII*
- + Kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất của nhà Tiền Lê năm 981
- + Cuộc kháng chiến chống Tống lần 2 (1075- 1077) của nhà Lý
- + Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên của nhà Trần ở thế kỉ XIII
- Cuộc kháng chiến lần thứ nhất vào năm 1258, đánh thắng 3 vạn quân Nguyên
- Cuộc kháng chiến lần thứ hai vào năm 1285, đánh thắng 60 vạn quân nguyên
- Cuộc kháng chiến lần thứ ba vào năm 1287 – 1288, đánh thắng 50 vạn quân Nguyên
- + Cuộc kháng chiến chống quân Minh do Hồ Quý Ly lãnh đạo, cuối thế kỉ XIV thất bại, đất nước ta một lần nữa bị phong kiến phương Bắc đô hộ.
- + Khởi nghĩa Lam Sơn và chiến tranh giải phóng dân tộc do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo (1418 - 1427)
- + Khởi nghĩa Tây Sơn và các cuộc kháng chiến chống quân Xiêm 1784 – 1785, kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh 1788 – 1789

I.4. Nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta

I.4.1. Về tư tưởng chỉ đạo tác chiến

- Ông cha ta luôn nắm vững tư tưởng tiến công, tiến công liên tục, mọi lúc mọi nơi, từ cục bộ đến toàn bộ, coi đó như là một qui luật để giành thắng lợi.
- Tư tưởng tiến công được xem như sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và tiến hành chiến tranh giữ nước.
- Tư tưởng đó thể hiện rất rõ trong đánh giá đúng kẻ thù, chủ động đề ra kế sách đánh,

phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng kháng chiến, tìm mọi biện pháp làm cho địch suy yếu, tạo ra thế và thời cơ có lợi để tiến hành phản công, tiến công.

1.4.2. Về mưu kế đánh giặc

- Mưu là để lừa địch, đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở, chỗ ít phòng bị, làm cho chúng bị động.

- Kế là để điều địch theo ý định của ta, buộc chúng phải đánh theo cách đánh của ta

- Kế sách đánh giặc của ông cha ta không những sáng tạo mà còn rất mềm dẻo, khôn khéo đó là “biết tiến, biết thoái, biết công, biết thủ”, biết kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với binh vận, ngoại giao, tạo thế mạnh cho ta, biết phá thế mạnh của giặc.

- Ông cha ta đã phát triển mưu, kế đánh giặc, biến cả nước thành một chiến trường, tạo ra một “thiên la, địa võng” để diệt địch, làm cho “địch đông mà lại hoá ít, địch mạnh mà hoá yếu”, đi đến đâu cũng bị đánh, luôn bị tập kích, phục kích, lực lượng bị tiêu hao, tiêu diệt, rơi vào tình trạng “tiến thoái lưỡng nan”.

1.4.3. Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc

- Thực hiện toàn dân đánh giặc là một trong những nét độc đáo trong nghệ thuật quân sự của tổ tiên ta, được thể hiện cả trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng. Nét độc đáo đó xuất phát từ long yêu nước thương nòi của nhân dân ta, từ tính chất tự vệ, chính nghĩa của các cuộc kháng chiến. Hễ kẻ thù động đến nước ta thì “vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh”, giữ vững quê hương, bảo vệ xã tắc.

- Nội dung cơ bản của thực hiện toàn dân đánh giặc là: “Mỗi người dân là một người lính, đánh giặc theo cương vị, chức trách của mình. Mỗi thôn, xóm, bản, làng là một pháo đài diệt giặc. Cả nước là một chiến trường.

1.4.4. Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh:

- Đây là nét đặc sắc và tất yếu trong nghệ thuật quân sự của ông cha ta khi dân tộc ta phải chống lại đội quân xâm lược có quân số, vũ khí, trang bị lớn hơn nhiều lần.

Quân nhà Lý có 10 vạn, đánh thắng 30 vạn quân xâm lược Tống lần thứ hai

Quân nhà Trần có 15 vạn, đánh thắng 60 vạn giặc Nguyên Mông lần thứ hai và 30 vạn giặc Nguyên Mông lần thứ ba.

Quân nhà Lê (Lê Lợi) có 10 vạn, đánh thắng 80 vạn giặc Minh

Quân nhà Tây Sơn có 10 vạn, đánh thắng 29 vạn giặc Mãn Thanh

- Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh chính là sản phẩm của lấy “thế” thắng “lực”. Ông cha ta đã sớm xác định đúng về sức mạnh trong chiến tranh đó là: sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố, chứ không đơn thuần là sự so sánh, hơn kém về quân số, vũ khí của mỗi bên tham chiến.

1.4.5. Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận.

- Mặt trận chính trị nhằm cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân, qui tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, là cơ sở tạo ra sức mạnh quân đội

- Mặt trận quân sự là mặt trận quyết liệt nhất, thực hiện tiêu diệt sinh lực, phá huỷ phương tiện chiến tranh của địch, quyết định thắng lợi trực tiếp của chiến tranh, tạo đà, tạo thế cho các mặt trận khác phát triển

- Mặt trận ngoại giao có vị trí rất quan trọng, đề cao tính chính nghĩa của nhân dân ta, phân hoá, cô lập kẻ thù, tạo thế có lợi cho cuộc chiến. Mặt khác, mặt trận ngoại giao kết hợp với mặt trận quân sự, chính trị tạo ra thế có lợi để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt.

- Mặt trận binh vận để vận động làm tan rã hàng ngũ của giặc, góp phần quan trọng để hạn chế thấp nhất tổn thất của nhân dân ta trong chiến tranh

1.4.6. Về nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn

- Thời nhà Lý: trận phòng ngự sông Cầu (Như Nguyệt), đây là điển hình về kết hợp

chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công trên cả quy mô chiến lược, chiến thuật. Kết quả không những chặn đứng được 30 vạn quân Tống mà còn làm thất bại ý đồ đánh nhanh thắng nhanh để chiếm Thăng Long của chúng.

- *Thời nhà Trần*: chống giặc Nguyên lần 2, Trần Quốc Tuấn đã tổ chức một cuộc rút lui chiến lược, làm thất bại kế hoạch vây hợp của địch. Trong cuộc truy đuổi, quân Nguyên còn vấp phải một cuộc chiến tranh của toàn dân Đại Việt. Do vậy, quân Nguyên bị sa vào tình trạng muốn đánh mà không đánh được, “lực càng yếu, thế càng suy”, tạo điều kiện cho ta phản công.

- *Thời hậu Lê*: khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, là kết quả của nhiều yếu tố, trong đó nghệ thuật tổ chức và tiến hành các trận đánh quyết định giữ một vai trò rất quan trọng.

- *Thời Quang Trung*: nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ và quân Tây Sơn được biểu hiện tập trung nhất, rực rỡ nhất trong việc tổ chức và thực hành các trận quyết chiến chiến lược. Nguyễn Huệ đã thiết lập một hệ thống tổ chức hành quân đạt hiệu quả tối đa, ông chú trọng hợp vây chiến dịch, chiến thuật và tiến công địch bằng các đòn thọc sâu hiểm hóc.

II. NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM TỪ KHI CÓ ĐẢNG LÃNH ĐẠO

II.1. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam

- *Truyền thống đánh giặc của tổ tiên*:

Trải qua mấy nghìn năm chống giặc ngoại xâm, nghệ thuật quân sự của tổ tiên đã hình thành và không ngừng phát triển, trở thành những bài học quý giá cho các thế hệ sau.

- *Chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*:

Đảng cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động.

- *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*:

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự tiếp thu, kế thừa truyền thống đánh giặc của tổ tiên, vận dụng lí luận Mác – Lênin về quân sự, kinh nghiệm của các nước trên thế giới vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, là cơ sở cho sự hình thành và phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam.

II.2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

II.2.1. Chiến lược quân sự

Chiến lược quân sự là tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh (xung đột vũ trang) thắng lợi, là bộ phận hợp thành (quan trọng nhất) có tác dụng chủ đạo trong nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Nội dung chủ yếu của chiến lược quân sự:

- *Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến*: Đây là vấn đề quan trọng của chiến tranh cách mạng, nhiệm vụ của chiến lược quân sự phải xác định chính xác để từ đó có đối sách và phương thức đối phó hiệu quả nhất.

+ Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, lúc đó xuất hiện nhiều kẻ thù: Anh, Tưởng, Ấn Độ, Nhật và quân Pháp. Trước tình hình đó Đảng ta xác định kẻ thù nguy hiểm trực tiếp của cách mạng Việt Nam là thực dân Pháp.

+ Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, khi đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tạo cơ áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở Việt Nam, Đảng ta nhận định đế quốc Mỹ đang trở thành kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của Việt Nam, Lào và Campuchia.

- *Đánh giá đúng kẻ thù*: Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích, đánh giá đúng mạnh, yếu của kẻ thù. Từ những nhận định đúng đắn về kẻ thù đã tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân ta quyết tâm đánh Pháp, Mỹ và biết thắng Pháp, Mỹ.

+ Bước vào kháng chiến chống Pháp, Đảng ta phân tích so sánh lực lượng cho rằng: “Lực lượng của Pháp như mặt trời lúc hoàng hôn, , hồng hắc lắm nhưng đã gần tắt nghỉ”, còn “lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh, như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có

tiền...”.

+ Đối với đế quốc Mỹ, dù có quân đông, súng tốt, tiền nhiều nhưng điểm yếu căn bản là ở xa đến xâm lược, Đảng ta đã nhận định “Mỹ giàu nhưng không mạnh”.

- *Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc*: Đây là một vấn đề mang tính nghệ thuật cao trong chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta, nhằm giành thắng lợi trọn vẹn nhất những hạn chế tổn thất đến mức thấp nhất. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chúng ta mở đầu chiến tranh vào những thời điểm đáp ứng mọi điều kiện của hoàn cảnh lịch sử, do đó đã lôi cuốn được toàn dân tộc và sức thuyết phục đối với quốc tế.

+ Trong kháng chiến chống Pháp, mở đầu chiến tranh vào ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, đây là thời điểm không thể lùi được nữa sau các hành động thiện chí nhằm ngăn ngừa, không để chiến tranh xảy ra, “Chúng ta càng nhân nhượng, giặc Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa...”. Thời điểm kết thúc chiến tranh là sau khi giành thắng lợi ở chiến dịch Điện Biên Phủ.

+ Trong kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta chọn đúng thời điểm sau năm 1960, chuyển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng ở miền Nam và không cho đế quốc Mỹ tạo cơ hội phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Thời điểm kết thúc chiến tranh đánh cho Mỹ cút là đánh thắng tập kích chiến lược bằng B-52 của Mỹ trên bầu trời miền Bắc, đó là một “Điện Biên Phủ trên không”, kết thúc chiến tranh là thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

- *Phương châm tiến hành chiến tranh*: Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, văn hoá, ngoại giao...trong đó, mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định nhất. Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh với tinh thần “tự lực cách sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính”

- *Phương thức tiến hành chiến tranh*: Cuộc chiến tranh chống quân xâm lược của nước ta là chiến tranh cách mạng, chính nghĩa và tự vệ. Do đó Đảng ta chỉ đạo: phương thức tiến hành chiến tranh là chiến tranh nhân dân kết hợp giữa địa phương với các binh đoàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công địch bằng hai lực lượng chính trị, quân sự

II.2.2. Nghệ thuật chiến dịch

Nghệ thuật chiến dịch là lí luận và thực tiễn chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt động tác chiến tương đương; bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự, khâu nối liền giữa chiến lược quân sự và chiến thuật. Sự hình thành chiến dịch và phát triển của nghệ thuật chiến dịch, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự Việt Nam là toàn diện, tập trung vào những vấn đề chủ yếu:

- *Loại hình chiến dịch*:

+ Chiến dịch tiến công (chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, chiến dịch tiến công Tây Nguyên, chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975).

+ Chiến dịch phản công: Chiến dịch phản công Việt Bắc năm 1947, chiến dịch phản công đường số 9- Nam Lào năm 1971

+ Chiến dịch phòng ngự: chiến dịch phòng ngự Quảng Trị năm 1972

+ Chiến dịch phòng không: chiến dịch phòng không Hà Nội năm 1972

+ Chiến dịch tiến công tổng hợp: chiến dịch tiến công tổng hợp khu 8

- *Qui mô chiến dịch*:

+ Trong kháng chiến chống Pháp, thời kỳ đầu qui mô chiến dịch còn rất nhỏ bé (lực lượng tham gia khoảng 1 – 3 trung đoàn). Đến cuối cuộc kháng chiến, trong chiến dịch Điện Biên Phủ lực lượng tham gia lên tới 5 đại đoàn cùng nhiều lực lượng khác.

+ Trong kháng chiến chống Mỹ, giai đoạn đầu lực lượng chỉ từ 1 đến 2 trung đoàn, sau đó phát triển đến sư đoàn. Đến cuối cuộc kháng chiến, trong chiến dịch Hồ Chí Minh,

lực lượng tham gia 5 quân đoàn và nhiều binh chủng, quân chủng khác, phối hợp chặt chẽ với nổi dậy của quân chúng.

+ Trong hai cuộc kháng chiến, ở những giai đoạn đầu, các chiến dịch diễn ra chủ yếu ở rừng núi, nhưng giai đoạn cuối đã diễn ra trên tất cả địa hình.

- *Nghệ thuật chiến dịch là cách đánh chiến dịch:*

+ Thời kì đầu, chúng ta có nghệ thuật chọn khu vực tác chiến chủ yếu, nghệ thuật chuẩn bị thế trận chiến dịch, nghệ thuật tập trung ưu thế lực lượng bảo đảm chắc thắng trận mở màn chiến dịch, nghệ thuật xử trí chính xác các tình huống trong tác chiến chiến dịch.

+ Trong chiến dịch Điện Biên Phủ: Xác định đúng phương châm tác chiến chiến dịch, thay đổi phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”; Xây dựng thế trận chiến dịch vững chắc, thực hiện bao vây rộng lớn, chia cắt và cô lập Điện Biên Phủ với các chiến trường khác; Phát huy cao nhất sức mạnh tác chiến hợp đồng các binh chủng, tập trung ưu thế binh hỏa lực đánh dứt điểm từng trận then chốt;

+ Trong kháng chiến chống Mỹ: Nghệ thuật chiến dịch đã nâng lên một tầm cao mới. Nghệ thuật chiến dịch đã chỉ đạo chiến thuật đánh bại tất cả các chiến lược quân sự, biện pháp, thủ đoạn tác chiến của quân Mỹ, Ngụy và chư hầu. Đặc biệt trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, nghệ thuật chiến dịch có bước nhảy vọt, được thể hiện: nghệ thuật tạo ưu thế lực lượng, bảo đảm đánh địch trên thế mạnh, hình thành sức mạnh áp đảo địch trong chiến dịch; Nghệ thuật vận dụng sáng tạo cách đánh chiến dịch (lần lượt và đồng loạt); Nghệ thuật kết hợp tiến công với nổi dậy, phối hợp tác chiến 3 thứ quân....

II.2.3. Chiến thuật:

Chiến thuật là lí luận và thực tiễn về tổ chức và thực hành chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn lực lượng vũ trang, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Chiến thuật hình thành, phát triển gắn với lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta. Nội dung của chiến thuật được thể hiện:

- *Vận dụng các hình thức chiến thuật vào trong các trận chiến đấu*

+ Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, chiến thuật thường vận dụng là tập kích, phục kích, vận động tiến công trong đó, phục kích có lợi hơn tập kích.

+ Các giai đoạn sau của hai cuộc kháng chiến, bộ đội ta đã trưởng thành, không những giỏi vận động chiến (đánh địch ngoài công sự) mà còn từng bước vận dụng công kiên chiến (đánh địch trong công sự).

+ Giai đoạn cuối của hai cuộc kháng chiến, do yêu cầu của chiến lược, chiến dịch, chiến thuật phòng ngự xuất hiện, ngoài ra còn có các hình thức chiến thuật truy kích, đánh địch đổ bộ đường không.

- *Quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu*

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến, lực lượng tham gia chủ yếu trong biên chế và được tăng cường một số hỏa lực như súng cối 82mm, DKZ... Các giai đoạn sau, quy mô lực lượng tham gia các trận chiến đấu ngày càng lớn, có sự hiệp đồng binh chủng giữa bộ binh, xe tăng, pháo binh, phòng không... Hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ ngày càng nhiều.

- *Cách đánh*

Là nội dung quan trọng nhất của lí luận chiến thuật. Mỗi binh chủng, mỗi hình thức chiến thuật đều có những cách đánh cụ thể, phù hợp với đối tượng và địa hình. Cách đánh của ta thể hiện tính tích cực, chủ động tiến công, bám thắt lưng địch, chia địch ra mà đánh, trói địch lại mà diệt. Kết hợp chặt chẽ giữa hành động tiến công và phòng ngự của ba thứ quân để hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

III. VẬN DỤNG MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VÀO SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG THỜI KÌ MỚI VÀ TRÁCH NHIỆM

CỦA SINH VIÊN

III.1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công

- Trong lịch sử chiến tranh giữ nước, nghệ thuật quân sự của cha ông ta trước đây luôn nhấn mạnh tư tưởng tích cực, chủ động tiến công địch.

- Ngày nay, kẻ thù của chúng ta là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, có ưu thế và tiềm lực kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ mạnh, trên cơ sở đánh giá đúng mạnh yếu của địch và ta, chúng ta phải biết phát huy sức mạnh của mọi lực lượng, vận dụng linh hoạt mọi hình thức và qui mô tác chiến, mọi cách đánh mới có thể tiến công địch liên tục, mọi lúc, mọi nơi. Không chỉ tiến công trên mặt trận quân sự mà phải tiến công toàn diện trên mọi mặt trận, đặc biệt là mặt trận chính trị, binh vận, thực hiện “mưu phạt công tâm”, đánh vào lòng người, góp phần thay đổi cục diện chiến tranh.

- Trên cơ sở không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy lòng dũng cảm, trí thông minh sáng tạo giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa con người và vũ khí, nắm vững tư tưởng tích cực tiến công, chúng ta hoàn toàn có thể giành quyền chủ động trên chiến trường và kết thúc chiến tranh trong điều kiện có lợi nhất.

III.2. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc

- Đây là sự kế thừa và phát huy lên một trình độ mới từ nghệ thuật quân sự truyền thống của dân tộc. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nghệ thuật quân sự chỉ đạo mọi hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang nhân dân.

- Trong hoạt động tác chiến của các lực lượng vũ trang, kết hợp đánh phân tán với đánh tập trung, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn. Mỗi lực lượng, mỗi thứ quân đều có vị trí, tác dụng và có những qui luật hoạt động riêng. Vì vậy, cần phải phối kết hợp tác chiến của các lực lượng, các thứ quân cả về chiến lược cũng như trong chiến dịch và trong chiến đấu. Có kết hợp được như vậy mới phát huy được uy lực của mọi vũ khí từ thô sơ đến hiện đại, làm cho binh lực địch bị phân tán, dần mỏng, khiến cho chúng đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu và luôn bị động đối phó, trên cơ sở đó thực hiện những đòn đánh quyết định, tạo sự thay đổi trên chiến trường có lợi cho ta.

III.3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế

- Trong đấu tranh vũ trang, trước một đối tượng có sức mạnh vượt trội về quân sự, khoa học công nghệ phải biết kết hợp các yếu tố: lực lượng, thế trận, thời cơ và mưu trí, sáng tạo.

- Dùng lực phải dựa vào thế có lợi, dùng đúng nơi, đúng lúc mới đạt hiệu quả cao, lực nhỏ hoá lớn, yếu hoá mạnh

- Tạo thế, tạo lực để sẵn sàng đánh địch khi thời cơ có lợi nhất. Đặt thế, lực vào đúng thời cơ có lợi thì “sức dùng một nửa mà công được gấp đôi”.

- Muốn đánh thắng còn phải dùng mưu kế, hạn chế cái mạnh của địch, phát huy cái mạnh của ta. Luôn chú ý lừa địch và giữ bí mật, bất ngờ. Đánh bất ngờ, tạo hiệu quả diệt địch, nhất là trong điều kiện lực lượng quân địch mạnh, có vũ khí công nghệ cao.

- Nghệ thuật quân sự của ta còn phải biết đánh giá đúng và triệt để khai thác các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hoà”. Đó là nghệ thuật nắm bắt và phát huy sức mạnh của thời đại,

phát huy tiềm năng, thế mạnh của đất nước, con người Việt Nam, trong đó cần đặc biệt chú trọng “nhân hoà”.

- Chỉ có kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu và các yếu tố khác ta mới có thể tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh thắng kẻ thù có kinh tế, quân sự mạnh khi chúng xâm lược nước ta.

III.4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch

- Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, cha ông ta luôn phải chống lại kẻ

thù xâm lược lớn hơn nhiều lần. Đúng trước thực tế đó, ông cha ta đã sáng tạo ra nghệ thuật “lấy ít địch nhiều”, nhưng biết tập trung ưu thế lực lượng trong những thời điểm quan trọng để đánh thắng quân xâm lược.

- Ngày nay, vận dụng tư tưởng lấy ít địch nhiều, ta phải phát huy được khả năng đánh giặc của toàn dân, của cả ba thứ quân, tạo ra sức mạnh tổng hợp hơn địch để đánh thắng địch trong mọi tình thế.

III.5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu

- Từng trận đánh, từng chiến dịch có mục đích cụ thể khác nhau, nhưng mục đích chung nhất của mọi hoạt động tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là tiêu diệt lực lượng địch phải đi đôi với bảo vệ vững chắc mục tiêu.

- Muốn giành thắng lợi triệt để, chúng ta phải kết hợp đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt lớn quân địch. Đánh tiêu hao rộng rãi bằng đánh nhỏ, đánh vừa của chiến tranh nhân dân địa phương sẽ tạo điều kiện cho tác chiến tập trung của chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực, thực hiện đánh lớn, tiêu diệt quân địch lớn.

- Đi đôi với tiêu hao, tiêu diệt lực lượng của địch, phải bảo vệ vững chắc mục tiêu của ta, là vấn đề có tính qui luật trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

KẾT LUẬN

- Nghệ thuật quân sự Việt Nam được hình thành và phát triển qua quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, nhất là thực tiễn qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ dưới sự lãnh đạo của Đảng, đó là nghệ thuật chiến tranh nhân dân, chiến tranh toàn diện, nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh...

- Ngày nay, đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhưng kẻ thù còn đó, chúng đang tìm mọi thủ đoạn để xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Do đó, trách nhiệm của sinh viên rất nặng nề đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước hết mỗi sinh viên cần phát huy tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập, đặc biệt không ngừng bồi đắp lòng yêu quê hương, đất nước, tu dưỡng rèn luyện để trở thành những công dân tốt, sẵn sàng làm nhiệm vụ khi Tổ quốc cần./.

BÀI 8: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

I. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA

I.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

I.1.1. Quốc gia

Là thực thể pháp lý bao gồm ba yếu tố cấu thành: lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng.

Quốc gia là chủ thể căn bản nhất của luật quốc tế.

Theo luật pháp quốc tế hiện đại, tất cả các quốc gia đều bình đẳng về chủ quyền.

Quốc gia có khi được dùng để chỉ một nước hay đất nước.

I.1.2. Lãnh thổ quốc gia

Lãnh thổ quốc gia là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của một quốc gia.

Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm: vùng đất quốc gia, vùng biển quốc gia (nội thủy và lãnh hải), vùng trời quốc gia và lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

- *Vùng đất quốc gia:*

+ Là phần mặt đất (kể cả các đảo và quần đảo) và lòng đất của đất liền (lục địa), của đảo, quần đảo thuộc chủ quyền của một quốc gia;

+ Là bộ phận quan trọng nhất cấu thành nên lãnh thổ quốc gia, làm cơ sở để xác định vùng trời, vùng biển quốc gia.

Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương, ven biển Thái Bình Dương, có vùng đất quốc gia vừa là đất liền, vừa là đảo, vừa là quần đảo, bao gồm từ đỉnh Lũng Cú, Hà Giang đến mũi Cà Mau, hệ thống các đảo và hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa).

- *Vùng biển quốc gia:* gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa; là một bộ phận cấu thành nên lãnh thổ quốc gia.

+ Nội thủy là vùng biển nằm ở phía trong đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải.

Đường cơ sở là đường gãy khúc nối liền các điểm được lựa chọn tại gần nước thủy triều thấp nhất dọc theo bờ biển và các đảo gần bờ do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định và công bố.

Vùng nước thuộc nội thủy có chế độ pháp lý như lãnh thổ trên đất liền. Nội thủy của Việt Nam bao gồm các vùng nước phía trong đường cơ sở và vùng nước cảng biển.

+ Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở, lãnh hải có chế độ pháp lý như lãnh thổ đất liền; nhưng tàu, thuyền của các quốc gia khác được hưởng quyền qua lại không gây hại và thường đi theo tuyến phân luồng giao thông biển của quốc gia Việt Nam.

Lãnh hải của Việt Nam bao gồm lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

+ Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển nằm bên ngoài lãnh hải rộng 24 hải lý tính từ đường cơ sở, Việt Nam có quyền kiểm tra để phòng ngừa vi phạm các luật về hải quan, thuế, y tế, nhập cư và trừng phạt các hành vi vi phạm các quy định trên lãnh thổ hay trong lãnh hải của mình.

+ Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển nằm bên ngoài lãnh hải, cùng với lãnh hải vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Vùng đặc quyền kinh tế không thuộc chủ quyền quốc gia mà thực hiện quyền chủ quyền với mục đích thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tài nguyên sinh vật biển; lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo, các thiết bị và các công trình khác. Trong vùng đặc quyền kinh tế, các quốc gia khác có quyền tự do hàng hải, hàng không, lắp đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và sử dụng vùng biển vào các mục đích khác phù hợp với luật định.

+ Thềm lục địa: là đáy biển và lòng đất dưới đáy biển nằm bên ngoài lãnh hải kéo dài tự nhiên đến bờ ngoài của rìa lục địa hoặc đến cách đường cơ sở 200 hải lý. Trường hợp bờ ngoài của rìa lục địa kéo dài tự nhiên lớn hơn 200 hải lý thì thềm lục địa được kéo dài theo rìa tự nhiên đó nhưng không vượt quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở. Thềm lục địa của Việt Nam rộng 200 – 350 hải lý tính từ đường cơ sở.

- *Vùng trời quốc gia:* là khoảng không gian phía trên lãnh thổ quốc gia; là bộ phận cấu thành quốc gia và thuộc chủ quyền hoàn toàn của quốc gia Việt Nam.

Vùng trời trên vùng lãnh thổ quốc gia đặc biệt theo quy định chung của công ước quốc tế.

- *Lãnh thổ quốc gia đặc biệt:* là loại lãnh thổ đặc thù của quốc gia Việt Nam tồn tại hợp pháp trong lãnh thổ một quốc gia khác hoặc trên vùng biển, vùng trời quốc tế. Ví dụ như trụ sở làm việc và nơi ở của cơ quan đại diện ngoại giao.

1.1.3. Chủ quyền quốc gia

Là quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của một quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia đó. Quốc gia thể hiện chủ quyền của mình trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao.

Hiến chương Liên hợp quốc khẳng định nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia; không một quốc gia nào được can thiệp, khống chế, xâm phạm chủ quyền quốc gia khác. Tôn trọng chủ quyền quốc gia là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế.

1.1.4. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

Là một bộ phận của chủ quyền quốc gia khẳng định quyền làm chủ của quốc gia đó trên vùng lãnh thổ của mình.

Mỗi nước có toàn quyền định đoạt mọi việc trên lãnh thổ của mình, không được xâm phạm lãnh thổ, can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia dừng lại ở biên giới quốc gia.

Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là tuyệt đối, bất khả xâm phạm; tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia là nguyên tắc cơ bản trong quan hệ và luật pháp quốc tế.

1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là thực hiện tổng thể các giải pháp, biện pháp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại và quốc phòng, an ninh, nhằm thiết lập và bảo đảm quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp, và tư pháp của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ.

- Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền nhà nước đối với lãnh thổ quốc gia.

- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam là tất yếu, là nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; nội dung gồm:

+ Xây dựng, phát triển mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại và quốc phòng, an ninh của đất nước.

+ Xác lập và bảo vệ quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của Việt Nam trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong phạm vi lãnh thổ của mình.

+ Bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bao gồm vùng đất, vùng trời, nội thủy, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của Việt Nam; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại, vi phạm chủ quyền, xâm phạm lãnh thổ của Việt Nam.

+ Bảo vệ sự thống nhất lãnh thổ của đất nước, thống nhất về quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Đấu tranh làm thất bại mọi hành động, mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm chia cắt lãnh thổ, phá hoại quyền lực tối cao của nhà nước Việt Nam.

II. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II.1. Biên giới quốc gia

Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là đường và mặt phẳng đứng, theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển, biên giới quốc gia trên không, biên giới quốc gia trong lòng đất.

II.1.1. Biên giới quốc gia trên đất liền:

Là phân định lãnh thổ trên bề mặt đất liền của vùng đất quốc gia; được xác lập trên cơ sở thỏa thuận giữa các quốc gia có lãnh thổ tiếp giáp với nhau và được thể hiện bằng các điều ước hoạch định biên giới giữa các quốc gia liên quan. Khi xác định thường dựa vào các yếu tố:

- Địa hình tự nhiên: núi, sông, suối, hồ nước, thung lũng...
- Thiên văn: theo kinh tuyến, vĩ tuyến
- Hình học: đường nối liền các điểm quy ước

Việt Nam có đường biên giới quốc gia trên đất liền dài 4.550 km, tiếp giáp với Trung Quốc dài 1350 km, với Lào dài 2.067 km, với Campuchia dài 1.137 km.

II.1.2. Biên giới quốc gia trên biển:

Là ranh giới phía ngoài của lãnh hải để phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau.

Biên giới quốc gia trên biển của quốc gia quần đảo là đường biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia với biển cả.

Đối với các đảo của một quốc gia nằm ngoài phạm vi lãnh hải của quốc gia, biên giới quốc gia trên biển là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải bao quanh đảo.

Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của liên hợp quốc về luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hòa xã hội chủ Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

II.1.3. Biên giới quốc gia trên không:

Là biên giới phân định vùng trời giữa các quốc gia liền kề hoặc các vùng trời quốc tế, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên trên vùng trời. Đến nay chưa có quốc gia nào quy định độ cao cụ thể của biên giới quốc gia trên không.

II.1.4. Biên giới quốc gia trong lòng đất:

Là phân định lãnh thổ quốc gia trong lòng đất phía dưới vùng đất quốc gia, nội thủy và lãnh hải, được xác định bởi mặt phẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. Độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất được xác định bằng độ sâu mà kỹ thuật khoan có thể thực hiện được. Đến nay, chưa có quốc gia nào quy định độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất.

II.1.5. Khu vực biên giới:

Là vùng lãnh thổ tiếp giáp biên giới quốc gia có quy chế, quy định đặc biệt do chính phủ ban hành nhằm bảo vệ an toàn biên giới.

Khu vực biên giới Việt Nam trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền.

Khu vực biên giới quốc gia Việt Nam trên biển được tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển, đảo và quần đảo.

Khu vực biên giới quốc gia Việt Nam trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng 10 km tính từ biên giới quốc gia trở vào.

II.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là thực hiện tổng thể các biện pháp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên khu vực biên giới.

Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là một nội dung của xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý.

Nội dung gồm:

- Ưu tiên đầu tư xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; có chính sách ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khu vực biên giới định cư ổn định, phát triển và sinh sống lâu dài ở khu vực biên giới.

- Tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại các cấp trên khu vực biên giới; phát triển kinh tế đối ngoại, tăng cường hợp tác nhiều mặt nhằm xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng.

- Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp của nhà nước chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.

- Bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường. Sử dụng tổng hợp các biện pháp đấu tranh ngăn chặn mọi hành động xâm phạm tài nguyên, đặc biệt là xâm phạm tài nguyên trong lòng đất, trên biển, trên không, thềm lục địa của Việt Nam.

- Bảo vệ lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới. Thực thi quyền lực tối cao của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên khu vực biên giới; chống lại mọi hành động xâm phạm về lợi ích kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước trên khu vực biên giới. Bảo đảm mọi lợi ích của người Việt Nam phải được thực hiện ở khu vực biên giới theo luật pháp Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết với các nước hữu quan.

- Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Đập tan mọi âm mưu và hành động gây mất ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới. Đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động chia rẽ đoàn kết dân tộc, phá hoại sự ổn định, phát triển khu vực biên giới.

- Phối hợp với các nước, đấu tranh ngăn chặn mọi hành động phá hoại tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước láng giềng. Trấn áp mọi hành động khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia.

III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

III.1. Quan điểm

III.1.1. Quan điểm thứ nhất:

Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tổ quốc Việt Nam được hình thành và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của toàn dân tộc; đặc biệt là quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Lãnh thổ và biên giới quốc gia là một bộ phận hợp thành quan trọng, không thể tách rời của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

III.1.2. Quan điểm thứ hai:

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam.

- Dân tộc Việt Nam đã trải qua mấy nghìn năm, hình thành và phát triển đến ngày nay; dân tộc Việt Nam phải được tiếp tục tồn tại và phát triển bình đẳng với các quốc gia, dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế.

- Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của toàn dân tộc; trải qua nhiều cuộc chiến chống lại ách đô hộ của các thế lực phong kiến, thực dân, đế quốc để giành thắng lợi.

- Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam

III.1.3. Quan điểm thứ ba:

Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định; giải quyết các vấn đề tranh chấp thông qua đàm phán hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.

- Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định là vấn đề đặc biệt quan trọng, là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, phù hợp với lợi ích và luật pháp Việt Nam, phù hợp với công ước và luật pháp quốc tế, cũng như lợi ích của các quốc gia có liên quan.

- Trong giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới, Đảng và nhà nước ta luôn nhất quán thực hiện quan điểm giải quyết bằng thương lượng hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.

- Về vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, quan điểm nhất quán của Việt Nam là: khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với vùng biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam sẵn sàng đàm phán hòa bình để giải quyết.

III.1.4. Quan điểm thứ tư:

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang là nòng cốt.

- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Do đó mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước thống nhất quản lý, điều hành.

- Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, phối hợp với lực lượng công an nhân dân, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật..

III.2. Trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

- Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

- Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trước hết thực hiện nghiêm và đầy đủ Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Biên giới quốc gia.

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

- Trách nhiệm của sinh viên:

+ Không ngừng nâng cao nhận thức về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; truyền thống dựng nước và giữ nước của ông cha ta; truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng; từ đó củng cố lòng yêu nước, xây dựng lòng tin, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

+ Thực hiện tốt chương trình môn học giáo dục quốc phòng – an ninh, hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong thời gian học tập tại trường.

+ Tích cực học tập và rèn luyện toàn diện để trở thành người công dân tốt. Nghiêm chỉnh chấp hành mọi đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường, địa phương.

+ Sau khi ra trường sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang; tình nguyện tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước ở các vùng biên giới, biển đảo./.

BÀI 9: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN QUỐC PHÒNG

I. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

I.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

I.1.1. Khái niệm dân quân tự vệ

- Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác, là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý, điều hành của Chính phủ và của ủy ban nhân dân các cấp,

- Sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của cơ quan quân sự địa phương.

Dân quân được tổ chức ở xã, phường, thị trấn; tự vệ được tổ chức ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội.

I.1.2. Vị trí vai trò của dân quân tự vệ

- Là một lực lượng chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Lực lượng nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trong thời bình tại địa phương và phong trào toàn dân đánh giặc trong thời chiến.

+ Trong thời bình, dân quân tự vệ là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng kinh tế, phát triển địa phương và cả nước, đồng thời xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Phối hợp với các lực lượng khác đấu tranh làm thất bại chiến lược “DBHB”, bạo loạn lật đổ, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống thiên tai, bảo đảm an toàn cho nhân dân.

+ Trong thời chiến, dân quân tự vệ nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng, phương tiện của địch, căng kéo, kìm chân, buộc địch phải sa lầy tại địa phương; tạo thế, tạo lực cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương chiến đấu; tham gia phục vụ chiến đấu trong thế trận chiến tranh nhân dân.

- Là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của nhà nước, nhân dân.

Đánh giá vai trò dân quân tự vệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói *“Dân quân tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ thù nào dù hung bạo đến đâu hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã”*

I.1.3. Nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

- Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu để bảo vệ địa phương, cơ sở; phối hợp với các đơn vị bộ đội biên phòng, hải quân, cảnh sát biển và lực lượng khác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia và chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển Việt Nam.

- Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

- Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, bảo vệ và phòng chống cháy rừng, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng an ninh; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, cơ sở.
 - Học tập chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự và diễn tập
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Những nhiệm vụ trên được quy định trong Luật Dân quân tự vệ 2009.

I.2. Nội dung xây dựng dân quân tự vệ

I.2.1. Phương châm xây dựng

Xây dựng dân quân tự vệ theo hướng “vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính”

- *Vững mạnh:*
 - + Chất lượng phải toàn diện cả về chính trị tư tưởng, tổ chức, trình độ chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ.
 - + Biên chế, trang bị hợp lý, thống nhất
 - + Mỗi tổ chức dân quân tự vệ phải luôn vững vàng, có kỷ luật nghiêm, cơ động nhanh, sẵn sàng chiến đấu tốt.
- *Rộng khắp:*
 - + Ở đâu có tổ chức Đảng, chính quyền và có dân đều phải tổ chức dân quân tự vệ.
 - + Trường hợp các doanh nghiệp không đủ điều kiện tổ chức dân quân tự vệ, nếu có yêu cầu thì công nhân được tham gia dân quân tự vệ ở địa phương nơi cư trú.
- *Coi trọng chất lượng là chính:*
 - + Chất lượng là yếu tố cơ bản, là điều kiện cần thiết để xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh; là cơ sở để tạo nên sức mạnh chiến đấu của đơn vị.
 - + Coi trọng chất lượng là phải có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất đạo đức tốt, sức khỏe phù hợp, chấp hành đúng đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định ở địa phương.

I.2.2. Thành phần, tổ chức, biên chế, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ

- Thành phần:

Dân quân tự vệ gồm dân quân tự vệ nòng cốt và dân quân tự vệ rộng rãi. Tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng, an ninh còn có dân quân tự vệ thường trực.

+ Lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt:

Là lực lượng gồm những công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, được tuyên chọn vào phục vụ có thời hạn trong các đơn vị dân quân tự vệ.

Dân quân tự vệ nòng cốt gồm:

* *Dân quân tự vệ cơ động* là lực lượng thuộc dân quân tự vệ nòng cốt được tổ chức thành các đơn vị sẵn sàng cơ động làm nhiệm vụ trên các địa bàn khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

* *Dân quân tự vệ tại chỗ* là lực lượng thuộc dân quân tự vệ nòng cốt được tổ chức và hoạt động ở thôn, ấp, bản, buôn, phum, sóc, khóm, tổ dân phố và cơ quan, tổ chức làm nhiệm vụ tại chỗ, sẵn sàng tăng cường cho dân quân tự vệ cơ động.

* *Dân quân tự vệ biển* là lực lượng thuộc dân quân tự vệ nòng cốt được tổ chức ở cấp xã ven biển, xã đảo và cơ quan, tổ chức có phương tiện hoạt động trên biển để làm nhiệm vụ trên các vùng biển Việt Nam.

* *Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, công binh, trinh sát, thông tin, phòng hóa, y tế*

+ *Lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi* là lực lượng gồm những công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ đã được đăng ký, quản lý để sẵn sàng mở rộng lực lượng và huy động khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

Độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ trong thời bình là: công dân nam từ đủ 18 đến hết 45 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 đến hết 40 tuổi; nếu tình nguyện tham gia dân quân tự vệ thì có thể đến 50 tuổi đối với nam, đến 45 tuổi đối với nữ.

- Tổ chức dân quân tự vệ:

+ *Tổ chức đơn vị dân quân tự vệ gồm:* tổ; tiểu đội, khẩu đội; trung đội; đại đội, hải đội; tiểu đoàn, hải đoàn

+ *Tổ chức chỉ huy quân sự cơ sở gồm:* Thôn đội; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức cơ sở (nơi có tổ chức lực lượng dân quân tự vệ, có lực lượng dự bị động viên và nguồn sẵn sàng nhập ngũ theo quy định của pháp luật); Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương.

+ Quy mô tổ chức:

* Cấp thôn: tổ, tiểu đội, trung đội dân quân tại chỗ

* Cấp xã: tổ chức trung đội dân quân cơ động; theo yêu cầu nhiệm vụ có thể tổ chức tổ, tiểu đội trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế. Cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh tổ chức tiểu đội dân quân thường trực trong trung đội dân quân cơ động của xã. Cấp xã ven biển, xã đảo tổ chức tiểu đội, trung đội dân quân biển.

* Cấp huyện: có thể tổ chức đại đội dân quân tự vệ cơ động, trung đội dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trung đội dân quân tự vệ luân phiên thường trực.

* Cấp tỉnh: có thể tổ chức đại đội dân quân tự vệ phòng không, pháo binh.

* Cơ quan, tổ chức: tổ chức tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn tự vệ. Cơ quan, tổ chức có phương tiện hoạt động trên biển tổ chức tiểu đội, trung đội, trung đội, hải đội, hải đoàn tự vệ biển.

- Biên chế dân quân tự vệ: Biên chế dân quân tự vệ được thống nhất trong toàn quốc do Bộ Quốc phòng quy định.

- Chức vụ chỉ huy cơ bản của dân quân tự vệ

* Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng, do Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định bổ nhiệm theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã

* Trung đội trưởng, do Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định bổ nhiệm theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã

* Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội; Hải đội trưởng, Chính trị viên hải đội do Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

* Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn; Hải đoàn trưởng, Chính trị viên hải đoàn do tư lệnh Quân khu, Tư lệnh Quân chủng Hải quân quyết định bổ nhiệm theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Tham mưu trưởng Quân chủng Hải quân và Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

+ Chỉ huy quân sự ở cơ sở gồm:

* Thôn đội trưởng do Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định bổ nhiệm theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã

* Ban chỉ huy quân sự cấp xã gồm: Chỉ huy trưởng là thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã; Chỉ huy phó, Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm; Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cấp xã thường do đồng chí Bí thư Đảng ủy cấp xã kiêm nhiệm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm cán bộ Ban chỉ huy cấp xã theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

* Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở gồm: Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức kiêm nhiệm; Chỉ huy phó, Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm. Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm cán bộ Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở theo đề nghị của Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó; Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt nam sau khi thống nhất với người đứng đầu bộ, ngành trung ương.

- Về vũ khí, trang bị của dân quân tự vệ:

Dân quân tự vệ được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ và phương tiện kỹ thuật.

Vũ khí, trang bị cho dân quân tự vệ từ các nguồn do Bộ Quốc phòng cấp, các địa phương tự chế tạo hoặc thu được của địch.

Dù từ nguồn nào, vũ khí, trang bị cho dân quân tự vệ đều là tài sản của Nhà nước giao cho dân quân tự vệ quản lý.

1.2.3. Giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đối với dân quân tự vệ

Nhằm làm cho dân quân tự vệ nâng cao nhận thức về chính trị, lập trường tư tưởng, đạo đức cách mạng trong sáng, luôn trung thành với Đảng, Tổ quốc; có trình độ quân sự và kỷ luật nghiêm.

Nội dung giáo dục, thực hiện giáo dục, huấn luyện hàng năm theo chương trình quy định của Bộ Quốc phòng.

1.3. Một số biện pháp xây dựng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

- Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân quân tự vệ.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

- Xây dựng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Thực hiện đúng các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ.

II. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

II.1. Khái niệm, vị trí vai trò

II.1.1. Khái niệm

Lực lượng dự bị động viên gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội, nhằm duy trì tiềm lực quân sự, là yếu tố góp phần quyết định sự thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

+ Quân nhân dự bị gồm sỹ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sỹ quan và binh sỹ dự bị.

+ Phương tiện kỹ thuật gồm các phương tiện nằm trong danh mục quy định của Chính phủ như các phương tiện: vận tải, xếp dỡ, thông tin liên lạc, y tế...

II.1.2. Vị trí vai trò công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

+ Xây dựng lực lượng dự bị động viên giữ vị trí rất quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng, sức mạnh chiến đấu của quân đội.

+ Là một trong những nhiệm vụ cơ bản góp phần xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân.

+ Bảo đảm nguồn nhân lực mở rộng quân đội khi đất nước sang trạng thái chiến tranh.

+ Phối hợp chặt chẽ với dân quân tự vệ, công an... tăng sức mạnh chiến đấu trên các địa bàn trong khu vực phòng thủ, bảo đảm sự vững chắc của thế trận quốc phòng ở địa phương, cơ sở.

+ Thể hiện quán triệt quan điểm về sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh.

+ Xây dựng lực lượng dự bị động viên tốt sẽ làm nòng cốt cho xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và trong thực hiện chiến lược quốc phòng – an ninh, chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

II.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

II.2.1. Xây dựng lực lượng dự bị động viên bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên là một vấn đề hệ trọng liên quan đến vận mệnh quốc gia, phải được xây dựng hùng hậu ngay từ thời bình. Bảo đảm về số lượng và chất lượng.

- Số lượng đủ thể hiện ở quy mô, số lượng đơn vị, tổng quân số, tổng số phương tiện kỹ thuật được tổ chức xây dựng và chuẩn bị, sẵn sàng bổ sung cho quân đội theo kế hoạch.

- Chất lượng cao được thể hiện trên tất cả các mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, trình độ kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn nghiệp vụ, trang bị và khả năng bảo đảm hậu cần kỹ thuật; trong đó chính trị, tư tưởng làm cơ sở.

- Trong quá trình xây dựng lực lượng dự bị động viên phải luôn tập trung thực hiện tốt các khâu quản lý, giáo dục, tạo nguồn.

II.2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị là một quan điểm cơ bản, mang tính nguyên tắc.

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, là cuộc vận động chính trị sâu sắc trong quần chúng về bảo vệ Tổ quốc.

- Sức mạnh tổng hợp là sự lãnh đạo của Đảng; sự quản lý, điều hành của chính phủ, chính quyền các cấp theo pháp luật; sự hiệp đồng thực hiện giữa các đơn vị quân đội, cơ quan quân sự với các cơ quan chính quyền, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị là yếu tố cơ bản nhất luôn bảo đảm cho lực lượng dự bị động viên có số lượng đủ, chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

II.2.3. Xây dựng lực lượng dự bị động viên đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp ở địa phương, bộ, ngành

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên có vị trí, tầm quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng.

- Là nguyên tắc cơ bản bảo đảm cho lực lượng dự bị động viên luôn có mục tiêu, phương hướng, nội dung xây dựng đúng đắn, bảo đảm cho sức mạnh chiến đấu của quân đội.

- Sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng lực lượng dự bị động viên được thể hiện trên tất cả các khâu, các bước trong quá trình thực hiện.

II.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

II.3.1. Tạo nguồn, đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên

- *Tạo nguồn:*

+ Đối sỹ quan: lựa chọn từ sỹ quan phục viên, xuất ngũ; cán bộ chuyên môn kỹ thuật ngoài quân đội; đào tạo từ hạ sỹ quan, nam sinh viên tốt nghiệp đại học.

+ Đối với hạ sỹ quan, chiến sỹ, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có đủ điều kiện về phẩm chất, năng lực, sức khỏe đưa vào tạo nguồn.

- *Đăng ký quản lý nguồn:*

Việc đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên phải có kế hoạch thường xuyên, chặt chẽ và chính xác, đăng ký cả con người và phương tiện kỹ thuật.

+ Đối với quân nhân dự bị: được tiến hành đăng ký, quản lý tại nơi cư trú, do Ban chỉ huy quân sự xã (phường), Ban chỉ huy quân sự huyện (quận và tương đương) thực hiện.

+ Đối với phương tiện kỹ thuật, phải đăng ký, quản lý chính xác thường xuyên cả số lượng, chất lượng, tình trạng kỹ thuật của từng phương tiện.

- *Tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên:*

+ Tổ chức sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật thành từng đơn vị dự bị động viên theo kế hoạch để quản lý, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.

+ Các loại hình biên chế hiện nay: đơn vị biên chế đủ; đơn vị biên chế thiếu; đơn vị biên chế khung thường trực, đơn vị không có khung thường trực; đơn vị chuyên môn thời chiến.

+ Nguyên tắc sắp xếp: Sắp xếp theo chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kỹ thuật phù hợp với chức danh biên chế...

II.3.2. Giáo dục chính trị, huấn luyện, diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên

- *Giáo dục chính trị:*

Giáo dục chính trị nhằm làm cho cán bộ, chiến sỹ nâng cao nhận thức về chính trị, có lập trường tư tưởng vững vàng, trung thành với Đảng, với Tổ quốc, nhân dân. Nội dung giáo dục: Đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước...

- *Công tác huấn luyện:*

Huấn luyện theo phương châm “chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm”. Nội dung huấn luyện, diễn tập theo chương trình quy định của Bộ Quốc phòng và kế hoạch của đơn vị, địa phương.

II.3.3. Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính cho xây dựng lực lượng dự bị động viên

Vật chất kỹ thuật, kinh phí là yếu tố rất quan trọng để bảo đảm vũ khí trang bị, hậu cần kỹ thuật và tài chính. Yêu cầu phải bảo đảm đúng mức, kịp thời để triển khai thực hiện.

Việc bảo đảm vật chất, kinh phí, hàng năm Chính phủ giao chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương thực hiện.

II.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên

- Thường xuyên giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về vị trí và những quan điểm của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên.

- Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên.

III. ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

III.1. Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng

III.1.1. Khái niệm

Động viên công nghiệp quốc phòng là huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị cho quân đội của doanh nghiệp công nghiệp ngoài lực lượng quốc phòng, nhằm huy động mọi nguồn lực của đất nước hoặc một số địa phương... phục vụ cho quốc phòng, giành thế chủ động, phát huy tiềm lực mọi mặt của quốc gia, duy trì, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

III.1.2. Nguyên tắc động viên

- Động viên công nghiệp quốc phòng được tiến hành trên cơ sở năng lực sản xuất, sửa chữa đã có của các doanh nghiệp công nghiệp.

- Việc lựa chọn, giao nhiệm vụ động viên cho các doanh nghiệp phải bảo đảm tính đồng bộ theo nhu cầu của quân đội và phù hợp với năng lực của doanh nghiệp.

- Nhà nước bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, người lao động trong chuẩn bị và thực hành động viên.

III.1.3. Yêu cầu

- Chuẩn bị và thực hành động viên phải bảo đảm bí mật, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đúng kế hoạch, nhanh chóng sẵn sàng đối phó với các tình huống chiến tranh.

- Chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp quốc phòng phải bảo đảm cho yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của các địa phương trong thời chiến.

III.2. Một số nội dung động viên công nghiệp quốc phòng

III.2.1. Chuẩn bị động viên

- Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp có khả năng sản xuất, sửa chữa
- Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng.
- Giao chỉ tiêu động viên.
- Hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa.
- Quản lý, duy trì dây chuyền sản xuất, sửa chữa.
- Bồi dưỡng chuyên môn, tay nghề cho người lao động, diễn tập động viên
- Dự trữ vật chất.

III.2.2. Thực hành động viên công nghiệp quốc phòng

- Quyết định và thông báo quyết định động viên (do Chính phủ quyết định)
- Tổ chức di chuyển địa điểm đối với các doanh nghiệp phải di chuyển.
- Tổ chức bảo đảm vật tư, tài chính.
- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang thiết bị.
- Giao, nhận sản phẩm động viên.

III.3. Một số biện pháp chính thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng

- Nhà nước, Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ các bộ, ngành, địa phương, tổng công ty thực hiện nghiêm pháp lệnh dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ triển khai thực hiện nhiệm vụ động viên nghiêm túc.

- Các cấp quán triệt sâu sắc cho cán bộ, công nhân viên về pháp lệnh, nghị định, các văn bản hướng dẫn về động viên công nghiệp quốc phòng của nhà nước, Chính phủ.

- Các doanh nghiệp công nghiệp được lựa chọn và giao chỉ tiêu động viên chủ động lập kế hoạch động viên và luôn luôn sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, chỉ tiêu được giao.

BÀI 10: XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

a) Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc

- *Một số quan điểm về quần chúng nhân dân*

Quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo, là nền tảng cho một nước, là gốc rễ của một dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Triết học duy tâm có nhận thức sai lạc : Xã hội chia làm hai hạng người "hạng thượng lưu" và "hạng thứ dân" ; thượng đế, tinh thần là tuyệt đối ; vua là thiên tử, thay trời trị dân. Các chế độ quân chủ tư sản hiện đại nêu vấn đề "Dân chủ", "Lấy dân làm gốc", nhưng khác nhau về bản chất. Chủ nghĩa Mác - Lênin lần đầu tiên đã phát hiện và khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển của xã hội, chính nhân dân lao động là người làm nên lịch sử. Đây là một chuyển biến cách mạng trong nhận thức về lịch sử, là một trong những cơ sở lý luận do chính Đảng của giai cấp vô sản đưa ra.

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của ông cha ta đã chứng minh từ thời các vua Hùng, Hai Bà Trưng đến Ngô Quyền, Lê Lợi, Quang Trung... đều dựa vào dân, khẳng định dân là gốc, biết sử dụng sức mạnh của dân để đánh tan các đội quân xâm lược hùng mạnh của các triều đại phong kiến Trung Quốc, Mông Cổ.

Kế thừa tư tưởng của ông cha ta về vai trò của nhân dân, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng luôn nêu cao tư tưởng cách mạng là của dân do dân và vì dân. Quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân là nguồn gốc sức mạnh truyền thống vô cùng quý báu của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra những quan điểm về dân "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân", "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong"... Dưới ngọn cờ của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh nhân dân ta đã đồng lòng hợp sức làm nên nhiều chiến công vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đánh thắng hai cường quốc xâm lược là Pháp và Mỹ ; đang từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở đất nước ta. Ngày nay trong giai đoạn đất nước ta chuyển sang thời kì phát triển mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, có những thuận lợi mới, thời cơ mới, song vẫn còn nhiều trở lực và thách thức ; Đảng và Nhà nước ta có nhiều chủ trương quan trọng về đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

- *Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Đặc điểm của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh Tổ quốc là diễn ra trên diện rộng, khắp mọi địa bàn, mọi lĩnh vực, là cuộc chiến đấu thường xuyên mang tính gay go, quyết liệt, phức tạp và lâu dài. Bọn gián điệp, phản động và tội phạm khác luôn tìm cách trà trộn trong quần chúng, lợi dụng, lôi kéo, mê hoặc kẻ cả không chế để hoạt động.

+ Quần chúng nhân dân có khả năng phát hiện, quản lí, giáo dục, cải tạo các loại tội phạm để thu hẹp dần đối tượng phạm tội.

+ Khi nào người dân có ý thức tự giác, có tinh thần làm chủ trong việc xây dựng cuộc sống mới lành mạnh, khi đó sẽ khắc phục dần những sơ hở, thiếu sót mà địch và bọn tội phạm có thể lợi dụng.

+ Lực lượng công an có hạn, nên công tác bảo vệ an ninh trật tự không thể thực hiện bằng chuyên môn đơn thuần mà phải làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Nhân dân giúp ta nhiều thì thành công nhiều, giúp ta ít thì thành công ít, giúp ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn".

b) Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

- *Khái niệm phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân.

- *Vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Trước đây cũng như trong giai đoạn cách mạng hiện nay, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc luôn giữ vị trí quan trọng không thể thiếu được đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng nói chung và sự nghiệp bảo vệ an ninh - trật tự nói riêng.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một bộ phận gắn bó khăng khít, chặt chẽ với các phong trào hành động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương, đơn vị.

Trong quá trình lãnh đạo các mạng, Đảng ta tiến hành nhiều cuộc vận động quần chúng khác nhau để giải quyết những nhiệm vụ khác nhau. Trong đó có cuộc vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Giữa các phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có mối quan hệ khăng khít, tác động, hỗ trợ lẫn nhau ; các phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân giải quyết nhiệm vụ phát triển kinh tế văn hoá, xã hội là nền tảng vững chắc để phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động và duy trì thường xuyên, mạnh mẽ. Ngược lại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được nâng cao góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh kịp thời với bọn tội phạm, ổn định được tình hình an ninh trật tự, là điều

kiện thuận lợi để phát triển các phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân đạt kết quả tốt.

+ Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí chiến lược, là nền tảng cơ bản trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Nhân dân lao động có khả năng to lớn, là người làm nên lịch sử. Từ trước đến nay Đảng ta luôn luôn khẳng định : cách mạng là sự nghiệp của toàn dân, đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội cũng là sự nghiệp của toàn dân. Mọi vấn đề an ninh trật tự xảy ra khi giải quyết đều phải dựa vào nhân dân. Quán triệt tư tưởng này của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định về "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc".

Thực tiễn cho thấy phong trào hành động cách mạng của nhân dân như phong trào "Ba không", "Ngũ gia liên bảo", "Thập gia liên báo" trong thời kì chống Pháp ; phong trào "Bảo vệ trị an", "Bảo mật phòng gian" trong những năm chống Mĩ cứu nước và hiện nay là phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã thực sự góp phần quan trọng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức vận động nhân dân ở mức độ cao, đã trở thành ý thức tự giác cao độ của đông đảo quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, sự tổ chức vận động hướng dẫn nghiệp vụ của lực lượng công an nhân dân.

Đối với công tác công an, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có tác dụng trực tiếp trong phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, ngăn ngừa làm giảm tai nạn, đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội và các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc còn giúp lực lượng công an có điều kiện để triển khai sâu rộng các mặt công tác nghiệp vụ. Những tin tức tài liệu đa dạng, phong phú thu được từ quần chúng nhân dân cung cấp là cơ sở để lực lượng công an nhân dân đấu tranh, trấn áp bọn tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là động lực quan trọng để nâng cao ý thức tự giác của hàng chục triệu người tham gia vào công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc ở từng đường phố, từng thôn, xóm, phường, xã, cơ quan, xí nghiệp tạo thành thế chủ động trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh trấn áp tội phạm tạo thành một thế trận an toàn về an ninh trật tự.

+ Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức cơ bản để tập hợp thu hút đông đảo quần chúng phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thực chất là hình thức hoạt động có tổ chức, do đông đảo quần chúng nhân dân lao động tham gia; là điều kiện cơ bản để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự.

Sức mạnh, khả năng sáng tạo của quần chúng nhân dân là rất to lớn, song sức mạnh và khả năng đó chỉ được phát huy khi quần chúng nhân dân được tổ chức thành phong trào hành động cách mạng cụ thể. Chính bằng phong trào và thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, quần chúng nhân dân mới có điều kiện tham gia vào công việc xây dựng, quản lí nền an ninh trật tự nhiều hơn, tốt hơn và trực tiếp hơn. Vì vậy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức cơ bản để tập hợp thu hút đông đảo nhân dân, phát huy quyền làm chủ của họ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh - trật tự.

- *Mục đích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự*

Huy động sức mạnh của nhân dân để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và phục vụ đắc lực việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, gắn với các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước, của các ban, ngành, đoàn thể và của địa phương... góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- *Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

+ Đối tượng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp của xã hội.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc mang tính xã hội sâu sắc, bởi đối tượng vận động là tất cả mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội cho nên trình độ hiểu biết về chính sách pháp luật, kiến thức xã hội; đặc điểm tâm lý, lối sống sinh hoạt của từng tầng lớp nhân dân có khác nhau cho nên nó đã tác động ảnh hưởng lớn đến phong trào của từng địa phương.

+ Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở các địa bàn, lĩnh vực khác nhau có sự khác nhau. Do khác nhau về vị trí đặc điểm của từng vùng, phong tục tập quán, điều kiện hoàn cảnh kinh tế của từng địa phương và tình hình hoạt động của bọn tội phạm nên cách thức tổ chức vận động nhân dân, nội dung phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cũng có những điểm khác nhau để phù hợp với tình hình của mỗi nơi, mỗi thời điểm, địa bàn nông thôn khác với thành phố, thị xã; miền núi khác với miền biển; vùng đồng bào dân tộc thiểu số khác với vùng đồng bào theo các tôn giáo.

+ Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng và Nhà nước, gắn liền với việc thực hiện các chính sách của địa phương.

Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có liên quan đến việc thực hiện các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, như : Chính sách dân vận, chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách với người có công... vì vậy quá trình tổ chức vận động phải chú trọng gắn nghĩa vụ và quyền lợi ; ý thức tự giác của người dân, tạo mọi điều kiện để nâng cao đời sống tinh thần của họ. Thường xuyên bị kiến thức về chính trị, pháp luật, nâng cao cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn hoạt động của tội phạm cho quần chúng nhân dân.

2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

a) Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Đề góp phần phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, chủ động khắc phục, đẩy lùi nguy cơ, đấu tranh làm thất bại hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, trong giai đoạn hiện nay công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tập trung vào những nội dung cơ bản sau đây :

- *Giáo dục, nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân tham gia phòng ngừa đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, bao gồm :*

+ Chống chiến tranh tâm lý phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch.

+ Bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh xã hội, bảo vệ bí mật quốc gia.

+ Chống địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo, lợi dụng dân chủ, nhân quyền để gây mất ổn định chính trị.

+ Giữ vững khối đoàn kết toàn dân, ổn định chính trị, bảo vệ nội bộ, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch vững mạnh.

- *Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*

+ Vận động nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố giác, đấu tranh chống các loại tội phạm, góp phần giữ vững ổn định an ninh trật tự tại địa bàn.

+ Vận động nhân dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hoá những người cần phải giáo dục tại cộng đồng dân cư, như : các đối tượng có tiền án, tiền sự, đối tượng đi tù giam giữ

được tha, đối tượng đi cơ sở giáo dục, đi cơ sở chữa bệnh tha về còn có biểu hiện hoạt động phạm pháp ; tham gia vận động người phạm tội đang lẫn trốn ra tự thú ; thực hiện các biện pháp phòng ngừa tình trạng thanh thiếu niên phạm tội ; tham gia quản lý giáo dục trẻ em làm trái pháp luật.

+ Vận động nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị, giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng, tham gia phòng chống gây rối trật tự công cộng, ngăn chặn kịp thời các vụ việc lộn xộn xảy ra ở nơi công cộng.

+ Hướng dẫn và vận động nhân dân bài trừ tệ nạn xã hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu, đấu tranh bài trừ văn hoá phẩm độc hại.

+ Xây dựng cơ quan đơn vị, cụm dân cư và từng gia đình an toàn, đoàn kết, xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư, giữ vững đạo đức trong sáng lành mạnh, giữ gìn thuần phong mỹ tục, truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, bảo vệ môi trường sống.

- *Xây dựng và mở rộng liên kết phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào của địa phương*

Kết hợp lồng ghép phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các cuộc vận động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương như cuộc vận động xoá đói giảm nghèo, vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hoá mới...

+ Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết liên tịch, thông tư liên ngành, các quy chế phối hợp hoạt động giữa Công an xã với Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, các cơ quan, trường học đóng trên địa bàn.

+ Thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, kịp thời đề xuất lồng ghép nội dung, yêu cầu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp, nhằm phát huy vai trò của quần chúng trong việc bảo vệ an ninh - trật tự.

- *Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh.*

+ Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để rèn luyện, thử thách xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước ở cơ sở.

+ Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng cho tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở, lực lượng công an, kịp thời phát hiện đề nghị đưa ra khỏi tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng công an những người không đủ tiêu chuẩn về đạo đức và năng lực công tác ; đồng thời đề nghị bổ sung những nhân tố tích cực, ưu tú xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc vào cấp uỷ chính quyền cơ sở, để xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng công an trong sạch vững mạnh.

Bốn nội dung trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Khi thực hiện những nội dung trên đây phải căn cứ vào tình hình điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng nơi, đặc biệt, phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở từng địa phương, từng cơ sở để đề ra nội dung công tác cho thích hợp, có hiệu quả.

b) Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

- *Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

+ *Nắm tình hình* : Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trước hết phải điều tra nghiên cứu nắm vững tình hình mọi mặt liên quan đến an ninh trật tự, đây là công việc đầu tiên làm cơ sở để định ra nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành các bước tiếp theo.

Nội dung nắm tình hình bao gồm :

- Vị trí địa lí, đặc điểm địa bàn về phân bố dân cư, phong tục tập quán, nghề nghiệp truyền thống, vấn đề tôn giáo, dân tộc có liên quan đến công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn như : Tình hình âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm ; tình hình tai nạn, tệ nạn xã hội ; tình hình các loại đối tượng cần quản lí giáo dục ở từng cụm dân cư.

- Tình hình quần chúng chấp hành đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương ; những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ; tâm tư nguyện vọng của đại bộ phận quần chúng nhân dân.

- Tình hình các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức động viên quần chúng tham gia phong trào hành động cách mạng của địa phương, sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ những hiện tượng tiêu cực (tham nhũng cửa quyền, sách nhiễu quần chúng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân).

- Tình hình diễn biến của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn qua từng thời kì ; chú ý tới những mặt yếu kém, trì trệ, nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm rút ra.

- Những sơ hở thiếu sót của ta trong việc thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà kẻ xấu có thể lợi dụng để kích động quần chúng, chia rẽ nội bộ nhân dân, chia rẽ nhân dân với Đảng, với Chính quyền, với lực lượng vũ trang ở địa phương.

Trên cơ sở tình hình nắm được để tiến hành phân tích, tổng hợp, đánh giá về những mặt tích cực, những mặt tiêu cực, từ đó xác định đúng tính chất địa bàn, những vấn đề nổi lên có liên quan đến công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để có biện pháp giải quyết hoặc tham mưu cho Đảng, Nhà nước có chủ trương biện pháp giải quyết.

Phương pháp nắm tình hình :

Để nắm được tình hình địa bàn một cách sát hợp phải có phương pháp điều tra nắm tình hình một cách khoa học, điều tra một cách chính xác khách quan, toàn diện, sử dụng mọi lực lượng, nhiều biện pháp thông qua nhiều nguồn khác nhau. Đối với cán bộ chủ chốt ở các cấp, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình và nội dung cụ thể cần nắm, cần tập trung thực hiện tốt một số công việc để nắm tình hình sau đây :

- Nghiên cứu khai thác các tài liệu sẵn có để nắm tình hình địa bàn như :

tài liệu về tình hình an ninh trật tự ở địa phương qua các năm ; báo cáo sơ kết, tổng kết về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc qua từng thời kì ; tài liệu quản lí về nhân khẩu, hộ khẩu, quản lí các nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, quản lí vũ khí, vật liệu nổ ; tài liệu về tổ chức giữ gìn trật tự công cộng và các tài liệu quản lí hành chính khác mà chính quyền và các cơ quan chức năng đang quản lí.

- Đi sát cơ sở tiếp xúc gặp gỡ, thu thập ý kiến của các tổ chức, các tầng lớp dân cư khác nhau như : Cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu, những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, những người biết việc... để nắm tình hình.

- Trực tiếp điều tra khảo sát mọi hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng nhân dân ở địa phương.

- Ngoài ra còn phải chú ý kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ khác để nắm tình hình. Kết hợp nắm tình hình chung toàn địa bàn với đi sâu nắm tình hình cụ thể từng khu vực và nắm tình hình toàn diện các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng với đi sâu nắm vững những khía cạnh mà nội dung, yêu cầu của công tác vận động quần chúng đặt ra để rút ra những kết luận sát thực, làm cơ sở tham mưu cho cấp ủy Đảng đề ra chỉ thị, nghị quyết xây dựng và đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ *Xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Căn cứ chỉ thị nghị quyết của cấp ủy Đảng và tình hình thực tế ở địa phương để chủ động xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Nội dung của kế hoạch thể hiện những vấn đề cơ bản như sau :

- Đánh giá tổng quát tình hình an ninh trật tự, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức trách nhiệm của quần chúng nhân dân, thực trạng phong trào toàn dân trong thời gian đã qua và xác định sự cần thiết phải tiến hành vận động xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong thời gian tới.

- Xác định mục đích, yêu cầu cụ thể phải đạt được của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Xác định nội dung cụ thể của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và hình thức, biện pháp để thực hiện nội dung cụ thể đó.

- Xác định cách thức tổ chức thực hiện kế hoạch, như : Phân công trách nhiệm và quy định mối quan hệ phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể ; giữa các lực lượng tham gia xây dựng phong trào ; phân chia các bước và thời gian thực hiện từng bước, tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ; xác định điều kiện vật chất cần có để bảo đảm xây dựng phong trào đạt kết quả. Phương pháp xây dựng kế hoạch :

- Trên cơ sở nội dung kế hoạch được xác định, tiến hành viết dự thảo kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đảm bảo đủ về nội dung, đúng về thể thức văn bản quản lý nhà nước quy định.

- Tiến hành gửi bản dự thảo kế hoạch đến tổ chức cá nhân có liên quan để lấy ý kiến, nhằm phát huy trí tuệ của tập thể, nâng cao tinh thần làm chủ, tính năng động, sáng tạo của từng người trong xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của tập thể, tiến hành nghiên cứu bổ sung, xây dựng hoàn chỉnh bản kế hoạch trình Chủ tịch ủy ban nhân dân phường, xã phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- *Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh - trật tự*

+ *Tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân*

Tuyên truyền, giáo dục nhân dân trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí rất quan trọng, làm cho họ nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng, vai trò trách nhiệm, quyền lợi, từ đó tích cực tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

Nội dung tuyên truyền giáo dục :

- Tuyên truyền để nhân dân nhận thức rõ về âm mưu, phương thức thủ đoạn hoạt động thâm độc, nham hiểm của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, nhận thức rõ bản chất sâu xa của chúng, thấy được tầm quan trọng, tính chất phức tạp, quyết liệt và lâu dài của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Tuyên truyền giáo dục nhân dân hiểu về đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các quy định, phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân đối với việc bảo vệ an ninh trật tự.

Từ đó quần chúng ý thức rõ được việc tích cực tham gia bảo vệ an ninh trật tự là thiết thực để bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc của bản thân, gia đình, xóm làng cũng như của toàn xã hội.

Ngoài những nội dung trên, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc mà lựa chọn, xác định thêm những nội dung khác để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân cho thích hợp. Phương pháp tuyên truyền giáo dục :

- Triệt để khai thác sử dụng phương tiện thông tin đại chúng và các loại hình văn hoá, giáo dục, nghệ thuật, áp phích khẩu hiệu, biểu ngữ... để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân đạt hiệu quả.

- Thông qua các hình thức sinh hoạt, hội họp của các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua hệ thống giáo dục các cấp ở địa phương để tuyên truyền giáo dục quần chúng.

- Sử dụng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên để tuyên truyền giáo dục quần chúng theo từng chuyên đề có liên quan trong từng thời gian thích hợp. Thường xuyên tiếp xúc, gặp gỡ trực tiếp quần chúng để tọa đàm, trao đổi, giải thích những vấn đề về bảo vệ an ninh trật tự, thuyết phục tranh thủ những người có uy tín trong cộng đồng dân cư để họ đồng tình với chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước từ đó mà tích cực tham gia thuyết phục, giáo dục những người lừng chừng chậm tiến trong gia đình và cộng đồng.

- Để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng trước hết phải tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ trong Đảng, trong chính quyền, cán bộ lãnh đạo các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, sau đó tuyên truyền giáo dục sâu rộng ra trong nhân dân, động viên mọi người cùng có trách nhiệm tuyên truyền giáo dục lẫn nhau, tạo nên sự nhất trí cao về chính trị, tư tưởng trong nhân dân.

- Kết hợp tuyên truyền giáo dục rộng rãi với tuyên truyền giáo dục cá biệt bằng lời lẽ đơn giản và thực tế sinh động. Kết hợp chặt chẽ giữa việc tuyên truyền giáo dục quần chúng thực hiện nội dung nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự với việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và với phong trào lao động sản xuất, xây dựng đời sống hằng ngày của quần chúng nhân dân ở địa phương.

Tuyên truyền giáo dục quần chúng phải bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Phải chú ý giải quyết mâu thuẫn trong đời sống xã hội, trong nội bộ nhân dân, kết hợp giải quyết hài hoà giữa lợi ích cá nhân với cộng đồng, đảm bảo thực hiện công bằng xã hội.

Kịp thời biểu dương người tốt việc tốt, khuyến khích các điển hình tiên tiến, đồng thời gây dư luận xã hội nghiêm khắc lên án những hành động tiêu cực, vi phạm pháp luật.

Các nội dung công tác cụ thể phương pháp tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân trên đây có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau và trong từng nội dung của phương pháp đó cũng có ưu điểm, nhược điểm khác nhau, vì vậy phải tuỳ tình hình cụ thể ở từng nơi, từng lúc để vận dụng linh hoạt, có hiệu quả.

+ Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh - trật tự

Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là chỉ cho họ biết cách phòng ngừa, chủ động phát hiện và giúp đỡ cơ quan chức năng để đấu tranh có hiệu quả những hoạt động phá hoại của các thế lực phản động, hoạt động của các loại tội phạm ; phòng ngừa các tai nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội.

Nội dung hướng dẫn quần chúng bao gồm :

- Hướng dẫn quần chúng bảo vệ, thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; xây dựng và thực hiện các quy định về công tác bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương.

- Hướng dẫn quần chúng nhân dân phòng ngừa tội phạm, tham gia hoà giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ; quản lý, giáo dục các đối tượng cần phải quản lý giáo dục ở địa phương.

- Hướng dẫn quần chúng nhân dân phát hiện tố giác với công an, chính quyền địa phương những ngoại lai, sự việc, hiện tượng nghi vấn xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Tích cực tham gia đấu tranh góp phần làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, bọn phản động và các loại tội phạm khác.

- Hướng dẫn quần chúng nhân dân lên án, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, các lẽ thói hủ tục lạc hậu trong đời sống kinh tế xã hội, phòng ngừa và làm giảm các tai nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

- Hướng dẫn quần chúng nhân dân tham gia xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cách mạng, tham gia góp ý kiến xây dựng lực lượng công an, dân quân tự vệ trong sạch vững mạnh.

Phương pháp hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ việc bảo vệ những lợi ích cá nhân trước mắt đến lợi ích lâu dài của tập thể ; từ việc bảo vệ lợi ích kinh tế đơn thuần đến bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng ; từ việc bí mật tố giác và cung cấp tài liệu, tin tức về hoạt động của bọn tội phạm đến công tác đấu tranh trực diện với chúng một cách có tổ chức.

- Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các ngành, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân bảo vệ an ninh trật tự

Để huy động được sức mạnh của toàn dân tham gia nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong quá trình xây dựng phong trào, cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa bàn. Nội dung phối hợp cần tập trung vào các vấn đề :

- + Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn phường, các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng tự quản, Hội đồng an ninh trật tự, Ban bảo vệ dân phố, lực lượng dân phòng và lực lượng bảo vệ chuyên trách của các cơ quan doanh nghiệp.

- + Phối hợp với các lực lượng, cơ quan đơn vị, tổ chức đoàn thể quần chúng để tuyên truyền, vận động, giáo dục, hướng dẫn giác ngộ cho người dân nắm vững những yêu cầu của công tác bảo vệ an ninh - trật tự trên địa bàn, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh - trật tự.

Làm cho quần chúng nắm vững đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chế độ, nội quy, quy tắc về an ninh trật tự, âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, bọn phản động và bọn tội phạm khác, tình hình các tệ nạn xảy ra trên địa bàn. Trên cơ sở đó nâng cao ý thức tự nguyện, tự giác của người quần chúng trong việc thực hiện các nhiệm vụ đặt ra.

- + Phối hợp với cơ quan đơn vị, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong việc chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các mục tiêu yêu cầu đề ra trong công tác tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

- Xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Xây dựng cá nhân và các tổ chức quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để thúc đẩy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến tổ chức vận động nhân dân. Lực lượng quần chúng nòng cốt vừa là hạt nhân lãnh đạo phong trào, vừa là cầu nối giữa lực lượng công an với nhân dân vừa là người đi đầu, trực tiếp hướng dẫn nhân dân thực hiện các quy định về an ninh trật tự. Vì vậy, việc xây dựng lực lượng quần chúng nòng cốt ở cơ sở để duy trì và phát triển, đẩy mạnh phong trào, đây là một nội dung rất quan trọng không thể thiếu.

- + *Các tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở gồm :*

Hiện nay ở các cơ sở xã phường trong toàn quốc thường có 3 loại hình tổ chức quần chúng làm công tác an ninh trật tự là :

- Loại tổ chức quần chúng có chức năng tư vấn : tương ứng với loại hình này là Hội đồng an ninh trật tự ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) thành phần gồm Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ, Trưởng Công an, Bí thư Đoàn thanh niên, Chủ tịch Hội cựu chiến binh, Chủ tịch Hội phụ nữ... đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ, sự quản lý điều hành của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn. Ở cơ quan, doanh nghiệp thành phần gồm, Bí thư Đảng uỷ, Thủ trưởng cơ quan, Trưởng phòng (tổ trưởng) bảo vệ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ.

Hội đồng an ninh trật tự có nhiệm vụ giúp (tư vấn) cho cấp uỷ, chính quyền, thủ trưởng cơ quan doanh nghiệp... đề ra chủ trương, quyết định biện pháp và chỉ đạo công tác an ninh trật tự chung trong xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp...

- Loại có chức năng quản lý, điều hành : Tương ứng với loại hình này là Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố (ở nông thôn : ban an ninh trật tự được thành lập ở thôn, ấp, bản, làng ; ở cơ quan, doanh nghiệp lớn ban an ninh trật tự được thành lập ở phân xưởng, xí nghiệp, công ti... (nếu cơ quan, doanh nghiệp nhỏ và thôn nhỏ có nơi không cần thiết phải thành lập Ban an ninh trật tự) ; ở thành phố, thị xã Ban bảo vệ dân phố được thành lập theo các khu phố, cụm dân cư).

Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và thực hiện một số biện pháp phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm quản lý, điều hành và phối hợp với công an xã, phường, thị trấn, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ các Tổ an ninh nhân dân, An ninh công nhân, Đội dân phòng tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

- Loại có chức năng thực hành : tương ứng với loại hình này là các Tổ an ninh nhân dân, an ninh công nhân, Đội dân phòng, Đội thanh niên xung kích an ninh có nhiệm vụ trực tiếp thực thi các nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở các cơ sở.

Tổ an ninh nhân dân được cơ cấu ở các thôn, xóm, tổ dân phố. Như vậy, một thôn, xóm, khu phố có thể có nhiều Tổ an ninh nhân dân, căn cứ đặc điểm thực tế, số lượng dân cư, mối quan hệ ràng buộc của quần chúng ở khu tập thể, khu dân cư để hình thành Tổ an ninh nhân dân cho phù hợp (hiện nay hầu hết các địa phương đều đang duy trì hoạt động của Tổ an ninh nhân dân, tuy nhiên cũng có địa phương gọi là Tổ tự quản, Tổ liên gia an toàn, nhiều nơi lại vừa có Tổ an ninh nhân dân, vừa có Tổ tự quản... nên thống nhất gọi là Tổ an ninh nhân dân là đúng nghĩa nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ là tổ chức của nhân dân làm công tác an ninh trật tự, phù hợp với quy định trước đây của Bộ trưởng Bộ Công an về chức năng, nhiệm vụ của Tổ an ninh nhân dân).

Tổ an ninh công nhân được cơ cấu ở các tổ, đội sản xuất, phân xưởng, phòng, ban trong cơ quan, doanh nghiệp, riêng ở các phân xưởng, phòng, ban lớn có thể có nhiều Tổ an ninh công nhân tùy thuộc phạm vi, quy mô, tính chất công việc chuyên môn và yêu cầu thực tế nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh trật tự.

Đội dân phòng là tổ chức chuyên môn của quần chúng được lập ra có nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy hoặc huy động cho các hoạt động đột xuất về an ninh trật tự.

Các Đội thanh niên xung kích an ninh, Đội thiếu niên sao đỏ là tổ chức của Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên lập ra để thu hút thanh, thiếu niên vào hoạt động bảo vệ an ninh trật tự, như vậy nó cũng là tổ chức của quần chúng trực tiếp tham gia bảo vệ an ninh trật tự cần được duy trì hoạt động. Các Đội dân phòng, thanh niên xung kích an ninh, hình thành theo thôn, xóm, khu phố, cụm dân cư hoặc cơ cấu theo tổ chức Đoàn thanh niên (Chi đoàn, Phân đoàn) tùy theo tính chất nhiệm vụ công tác an ninh trật tự ở cơ sở.

+ *Nội dung, yêu cầu xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự :*

- Cần phải lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn có uy tín với quần chúng, được quần chúng tin yêu, có khả năng và điều kiện đảm nhiệm các mặt công tác về an ninh trật tự ở cơ sở.

- Lựa chọn người có khả năng tổ chức, điều hành các hoạt động có liên quan đến an ninh trật tự, bản thân có ý thức tự giác, tự nguyện và trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành các thủ tục báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định giao nhiệm vụ cho họ.

- Bồi dưỡng, hướng dẫn để đội ngũ cán bộ cơ sở nắm vững chức năng nhiệm vụ, quyền hạn lề lối làm việc, mối quan hệ và phân công đảm nhiệm công việc cụ thể để cán bộ cơ sở có kế hoạch thực hiện.

- Thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn trong từng thời gian và nhiệm vụ đặt ra trong việc giữ gìn an ninh trật tự. Hướng dẫn để họ biết cách tổ chức vận động quần chúng ở địa bàn dân cư.

- Nắm vững những diễn biến hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở có kế hoạch thăm hỏi động viên kịp thời đối với cán bộ tốt có năng lực, đồng thời uốn nắn các lệch lạc của cán bộ cơ sở ; tạo điều kiện về vật chất và tinh thần, việc làm, đời sống, quan hệ sinh hoạt trong phạm vi điều kiện cho phép, để đội ngũ cán bộ nòng cốt ở cơ sở yên tâm phấn khởi công tác, tích cực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở.

+ *Phương pháp xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt được tiến hành như sau :*

- Xác định hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng. Căn cứ tình hình đặc điểm của địa bàn, yêu cầu của công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm ở từng nơi, từng lúc ; căn cứ điều kiện khả năng nhận thức cũng như khả năng đảm nhiệm những phần việc cụ thể của quần chúng và nhu cầu nguyện vọng, lợi ích chính đáng của quần chúng để định ra hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng một cách khoa học và hợp lý.

- Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng được xây dựng.

Mỗi loại hình tổ chức quần chúng khác nhau có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau. Sau khi đã xác định được hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng, phải xác định một cách cụ thể rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng, có như vậy mới phát huy được vai trò của tổ chức, tạo điều kiện để tổ chức hoạt động nhịp nhàng, có hiệu quả, không bị mất phương hướng hoặc trùng lặp, chồng chéo, trì trệ.

Chỉ khi nào và ở nơi nào có yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự đòi hỏi cần phải xây dựng hình thức tổ chức quần chúng nào đó thì mới xây dựng. Nếu không có nhu cầu, nhiệm vụ chưa xuất hiện thì chưa cần phải vội vàng thành lập tổ chức quần chúng, bởi vì thành lập tổ chức mà chưa có chức năng nhiệm vụ thì tổ chức đó sẽ không tồn tại được và dẫn đến tan rã.

Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, chế độ nội quy quy định của đơn vị, địa phương và yêu cầu của tình hình nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự đặt ra để xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

- Đề xuất cấp ủy, chính quyền ra quyết định thành lập tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

Sau khi xác định rõ sự cần thiết phải thành lập các tổ chức quần chúng, loại hình tổ chức quần chúng và chức năng nhiệm vụ quyền hạn của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đó, với sự hỗ trợ của lãnh đạo chủ chốt của địa phương. Công an cấp cơ sở báo cáo, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương và làm thủ tục trình Chủ tịch, Phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn ra quyết định thành lập tổ chức.

Đây là thủ tục cần thiết để đảm bảo tính hợp pháp của loại hình tổ chức quần chúng theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời nâng cao vai trò, vị trí của tổ chức quần chúng, nâng cao trách nhiệm nghĩa vụ của những người tham gia tổ chức cũng như những người khác có liên quan đến hình thức tổ chức quần chúng.

Tuyển chọn những thành viên tham gia tổ chức quần chúng và bồi dưỡng, tập huấn cho các thành viên trong tổ chức quần chúng.

Căn cứ tình hình nắm được về quần chúng, căn cứ vào tiêu chuẩn quy định, tiến hành tuyển chọn, thu nạp các thành viên tham gia tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đảm bảo đủ về số lượng, đáp ứng về chất lượng. Yêu cầu các thành viên tham gia các tổ chức quần chúng phải là những người có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, hăng hái, tự nguyện tự giác và được quần chúng tín nhiệm.

Tiến hành giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn cho các thành viên nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ chính sách, lề lối phương pháp hoạt động của tổ chức ; phương pháp xử lý các tình huống về an ninh trật tự xảy ra ; việc sử dụng các phương tiện cần thiết để bảo vệ an ninh trật tự và các kiến thức cần thiết khác có liên quan đến bảo vệ an ninh trật tự để tổ chức quần chúng triển khai hoạt động tự quản, tự phòng, tự bảo vệ an ninh trật tự có hiệu quả.

Việc xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là đảm bảo quyền làm chủ quần chúng, đồng thời tạo lập lực lượng nòng cốt cho phong trào, do đó cần có kế hoạch xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng đa dạng, nhưng phải tránh tình trạng hình thức máy móc, chạy theo số lượng, thành lập tổ chức quần chúng không có tác dụng thiết thực. Trong quá trình xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, từ yêu cầu của công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ở từng địa phương đơn vị. Đồng thời phải phát huy dân chủ, phải tổ chức thảo luận công khai lấy ý kiến của nhân dân về sự cần thiết phải xây dựng hình thức tổ chức quần chúng ; về loại hình tổ chức quần chúng, về các hình thức, thành viên tham gia cũng như về chính sách, khuyến khích vật chất, tinh thần đối với các thành viên tham gia tổ chức quần chúng.

Đề động viên tích cực các thành viên trong tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự, căn cứ điều kiện hoàn cảnh cụ thể của địa phương, cấp ủy, chính quyền có chế độ chính sách khuyến khích vật chất, tinh thần hợp lý, kịp thời, theo chế độ chung của Nhà nước, của địa phương và nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân.

- Xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến làm cơ sở để tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điển hình tiên tiến là những cá nhân, đơn vị, cơ sở đạt được thành tích xuất sắc nổi trội, có đặc thù chung phổ biến giúp các cá nhân, đơn vị khác học tập, noi theo. Nhân điển hình tiên tiến là việc tổ chức học tập, phát triển những nhân tố tích cực của phong trào toàn dân thành phổ biến rộng khắp. Thực chất của nhân điển hình tiên tiến là việc phổ biến kinh nghiệm điển hình, động viên thúc đẩy phong trào lên một bước mới có chất lượng cao hơn, đồng đều hơn. Để nhân rộng điển hình tiên tiến cần làm tốt các công việc cụ thể sau đây :

+ Lựa chọn điển hình tiên tiến

- Căn cứ đặc điểm tình hình địa phương, đơn vị ; căn cứ vào kết quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và nhiệm vụ duy trì và phát triển phong trào ở địa phương để phát hiện, lựa chọn những cá nhân, tập thể tiêu biểu, có thành tích nổi bật, có kinh nghiệm tốt, làm hạt nhân điển hình tiên tiến thúc đẩy phong trào bảo an ninh Tổ quốc.

- Việc phát hiện, lựa chọn điển hình tiên tiến được tiến hành thông qua công tác kiểm tra hoạt động của phong trào, thông qua công tác tổ chức cho các cơ sở, đơn vị, quần chúng nhân dân bình chọn hoặc cơ quan chức năng ngay từ đầu có kế hoạch chủ động lựa chọn, cho đăng kí, sau đó tập trung bồi dưỡng một số cá nhân, tập thể đó trở thành điển hình tiên tiến của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Tổ chức rút kinh nghiệm điển hình tiên tiến : Lực lượng công an chủ trì phối hợp với bộ phận chức năng tổ chức hướng dẫn cá nhân, đơn vị tiên tiến liên hệ kiểm điểm, đánh giá kết quả, rút ra những bài học kinh nghiệm và xây dựng hoàn thiện báo cáo điển hình tiên tiến trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến :

Phương pháp phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến, đẩy mạnh phong trào thi đua bảo vệ an ninh Tổ quốc, được tiến hành bằng cách tổ chức cho các cá nhân đơn vị, địa phương có phong trào ở mức trung bình hoặc yếu kém trực tiếp tiếp xúc, gặp gỡ, tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, để áp dụng các kinh nghiệm đó vào phong trào ở địa phương, đơn vị mình.

Mở hội nghị nhân điển hình tiên tiến : tổ chức kí kết giao ước thi đua về xây dựng điển hình, tạo thành phong trào thi đua học tập, đua kịp và vượt các điển hình tiên tiến.

Kết hợp sử dụng, phát huy oàn thể của các phong trào thông tin đại chúng, các loại hình văn hoá nghệ thuật như : Đài phát thanh, truyền hình, tranh ảnh, sách báo... để phổ biến kinh nghiệm của điển hình tiên tiến.

- *Lồng ghép nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương.*

Để thúc đẩy được phong trào và duy trì phong trào được thường xuyên, tránh được sự suy thoái của phong trào sau một thời gian hoạt động, thì việc kết hợp và lồng ghép nội dung của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương với các phong trào khác là một hình thức tốt để duy trì và thúc đẩy phong trào.

- Nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được kết hợp với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương như :

+ Lồng ghép trong phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước, nội dung đảm bảo giữ gìn an ninh trật tự là nội dung bảo vệ tài sản công dân phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của những người được chăm sóc, tạo thành một phong trào chung của địa phương.

+ Kết hợp đưa nội dung giáo dục những người cần phải giáo dục tại xã, phường, thị trấn là một nội dung của phong trào xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá, từ đó tạo thành một nếp sống tốt, lành mạnh phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết tương thân, tương ái, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, xây dựng được tổ dân phố, cụm dân cư, làng xã an toàn.

+ Trong phong trào sinh viên thanh lịch của nhà trường cần lồng ghép với phong trào chấp hành Luật Giao thông, lấy đây là một nội dung tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá một sinh viên thanh lịch...

+ Để có phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc sâu rộng thu hút được nhiều tầng lớp tham gia trong đó có tầng lớp sinh viên thì nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phải được lồng ghép trong các phong trào khác của Đoàn thanh niên và các phong trào của sinh viên trong nhà trường như : "Phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh, thiếu niên" ; phong trào "Phòng chống ma túy trong học đường", phong trào ngày hè xanh, phong trào đảm bảo vệ sinh môi trường...

- Để lồng ghép được nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường hoặc của đoàn thanh niên nhà trường, cơ quan công an cơ sở (phường, xã, thị trấn) là chủ thể tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, cần phải có kế hoạch, chủ động kết hợp với nhà trường và Đoàn thanh niên của các trường đóng trên địa bàn đưa các nội dung cần thiết phù hợp vào từng phong trào, từng thời điểm thích hợp, tham gia xây dựng các tiêu chuẩn để đánh giá sự hoạt động, tích cực hoặc thiếu tích cực của từng sinh viên.

3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc

Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội là trách nhiệm của toàn Đảng toàn dân và cũng là của toàn thể thanh niên Việt Nam. Để góp phần của mình vào sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc, sinh viên có trách nhiệm thực hiện tốt một số công việc sau đây :

a) Mỗi sinh viên phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh - trật tự của Tổ quốc. Đây là một nhiệm vụ quan trọng để giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân và làm cơ sở nền tảng cho sự phát triển đất nước. Đối với sinh viên đang được học tập, rèn luyện trong nhà trường trước hết phải nhận thức được sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc là trách nhiệm của tất cả mọi công dân Việt Nam

trong đó lực lượng công an nhân dân làm nòng cốt. Công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm giữ gìn an ninh - trật tự là một cuộc đấu tranh gay go và phức tạp cần phải huy động sức mạnh của tất cả mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội, là thanh niên Việt Nam nói chung và là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nói riêng lại càng gương mẫu và tích cực tham gia vào các công tác giữ gìn an ninh Tổ quốc, cụ thể là các phong trào giữ gìn an ninh - trật tự của địa phương.

Để quán triệt được quan điểm trên : Mỗi sinh viên trong thời gian học tập tại nhà trường phải say mê học tập, chăm rèn luyện, có nhận thức đúng những điều hay, lẽ phải, biết các việc nên làm và không được làm ; nắm vững và chấp hành đầy đủ các nội quy quy định của nhà trường, các quy định của địa phương và pháp luật của Nhà nước ; phát hiện và mạnh dạn đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương hoặc ở trong nhà trường.

Nhằm phát huy được những mặt tích cực, hạn chế những tồn tại nhược điểm của sinh viên, đóng góp tích cực cho công tác bảo vệ an ninh trật tự của địa phương và các phong trào khác của nhà trường, mỗi cá nhân phải học tập, rèn luyện tốt, tu dưỡng phẩm chất đạo đức của người sinh viên, kính trọng thầy, cô giáo, tôn trọng các cơ quan chính quyền, tích cực tham gia các phong trào của địa phương.

b) Mỗi sinh viên tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú

Để đảm bảo an ninh trật tự, mọi công dân phải tự giác chấp hành các quy định của nhà nước và của địa phương về giữ gìn an ninh trật tự như : bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ việc thực hiện các chính sách của nhà nước, bảo vệ chính quyền, bảo vệ sự vững mạnh của các tổ chức đoàn thể xã hội ; chống kẻ địch phá hoại về chính trị tư tưởng, về kinh tế văn hoá xã hội ; xây dựng khối thống nhất toàn dân...

+ Mỗi sinh viên đều phải tích cực tham gia vào các hoạt động của nhà trường, của đoàn thanh niên hoặc của địa phương tổ chức.

+ Không xem, đọc, loy truyền các văn hoá phẩm độc hại, đồi trụy, không nghe, không bình luận các luận điểm tuyên truyền xuyên tạc nói xấu Nhà nước xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch, không truy cập vào các Website có nội dung thiếu lành mạnh.

+ Không tự ý thành lập, tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị và các tổ chức có tính chất chính trị trái pháp luật Việt Nam.

+ Phát hiện và đề nghị với thầy, cô giáo và các cơ quan chính quyền địa phương nơi cư trú, học tập đề có biện pháp ngăn chặn các hành vi hoạt động tệ nạn xã hội (cờ bạc, ma tuý, mại dâm), các hành vi xâm hại đến an ninh, trật tự an toàn xã hội.

+ Tích cực và gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, các thể lệ hành chính quy định về lĩnh vực an ninh trật tự ; luật lệ an toàn giao thông ; an toàn phòng cháy, chữa cháy ; vệ sinh môi trường và các quy định khác. Đối với sinh viên lưu trú trong kí túc xá :

+ Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường, không được sử dụng một cách bừa bãi, làm hư hỏng mất mát tài sản và trang thiết bị trong kí túc xá.

+ Chấp hành tốt nội quy của kí túc xá, thực hiện đầy đủ những cam kết được ghi trong hợp đồng với Ban quản lí kí túc xá.

+ Không tàng trữ vũ khí, chất độc, chất nổ, chất dễ cháy, hoá chất độc hoặc hàng cấm khác trong kí túc xá.

Đối với sinh viên tạm trú trong các khu vực dân cư:

+ Thực hiện đầy đủ các quy định về khai báo tạm trú tại khu vực dân cư theo quy định của pháp luật.

+ Chấp hành tốt các quy định của địa phương nơi cư trú như ; vệ sinh môi trường, trật tự đô thị, bảo vệ môi trường.

+ Tích cực tham gia các phong trào giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn như : phòng chống các âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động lôi kéo sinh viên vào các hoạt động chống đối Nhà nước ; phòng ngừa các hoạt động của bọn tội phạm hình sự xâm phạm đến tính mạng và tài sản của sinh viên ; ngăn ngừa, đấu tranh với các trường hợp sử dụng các chất ma túy trong sinh viên.

c) Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương

Phong trào toàn dân ở từng cụm dân cư, từng phường, xã có mạnh hay không là do sự đóng góp chung của tất cả mọi thành viên trong cộng đồng khu vực, từ trẻ đến già ; từ cán bộ, công nhân, viên chức đến sinh viên. Hoạt động này phải trở thành ý thức tự giác và tự quản của từng ngôi nhà, trong đó có sự đóng góp tích cực và quan trọng của sinh viên.

Với trách nhiệm của người sinh viên, là tầng lớp trí thức, có sự hiểu biết, năng động và sáng tạo, lại đang được tiếp thu những kiến thức khoa học của nhân loại, là nguồn lực để xây dựng và phát triển đất nước, nhưng mỗi sinh viên cũng cần được sự hỗ trợ, định hướng và dìu dắt của Đảng, Nhà nước, nhà trường và của toàn xã hội, do đó mỗi người học không những chấp hành đúng và đủ các quy định của Nhà nước về đảm bảo an ninh trật tự mà còn phải tham gia tích cực vào các phong trào bảo vệ an ninh - trật tự của địa phương, như : "Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" ; phong trào "Toàn dân phòng chống ma túy", "Tự phòng, tự quản, tự bảo vệ" ; phong trào "Toàn dân tham gia cảm hoá giáo dục người lầm lỗi" cũng như các phong trào bảo vệ an ninh trật tự khác : phong trào xây dựng cụm dân cư an toàn, số nhà an toàn ; tham gia vào các tổ chức quần chúng "Đội thanh niên xung kích an ninh", "Đội thanh niên tự quản"... tích cực tham gia tuần tra canh gác, phòng ngừa các hoạt động tội phạm.

Để thực hiện được các nội dung trên sinh viên thông qua các hoạt động của Đoàn thanh niên, các hoạt động khác của nhà trường để lồng ghép các nội dung của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

d) Luôn luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm ở địa phương, phát hiện những hiện tượng tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong nhà trường và nơi cư trú kịp thời, cung cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết

Đề góp phần vào công tác giữ gìn an ninh trật tự, tạo thành phong trào toàn dân phòng chống tội phạm, sinh viên cần tích cực tham gia vào các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự của địa phương theo khả năng của mình như :

Phát hiện các hành vi tuyên truyền, phát tán các văn hoá phẩm đồi trụy, các tài liệu phản động, báo cáo ngay với ban giám hiệu nhà trường, với thầy, cô giáo chủ nhiệm hoặc cơ quan công an để thu giữ kịp thời.

Phát hiện và ngăn chặn các vụ đánh nhau, gây rối trật tự công cộng báo cáo với nhà trường, ban bảo vệ dân phố, cơ quan công an nơi gần nhất để có biện pháp ngăn chặn, tham gia phát hiện truy bắt các đối tượng phạm pháp bỏ trốn.

Phát hiện các hành vi vi phạm các quy định về trật tự an toàn xã hội như mang chất cháy, chất nổ, chất độc, vũ khí thô sơ đến trường.

Phát hiện và báo cáo kịp thời với nhà trường về những người hoặc các hiện tượng sinh viên có biểu hiện sử dụng các chất ma túy, đua đòi ăn chơi tụ tập đua xe, đánh bạc ăn tiền...

Thường xuyên giúp đỡ các bạn gặp khó khăn về điều kiện học tập, động viên các bạn vượt khó để học tập tốt.

KẾT LUẬN

Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI chỉ rõ: "Tăng cường tiềm lực quốc

phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, trật tự, an toàn xã hội, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; mở rộng, nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế”. Tăng cường bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là một nhiệm vụ quan trọng để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới và có vai trò đặc biệt quan trọng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Là sinh viên, học sinh, lực lượng trí thức trẻ, nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước, trước hết chúng ta phải nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng nói chung, đường lối, quan điểm trong chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội nói riêng, qua đó xác định rõ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình. Từ đó tích cực phấn đấu học tập, rèn luyện, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước hết là sự nghiệp công nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

BÀI 11: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

I. Khái niệm, tính chất, mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

1.1. Khái niệm

- Khái niệm an ninh quốc gia, bảo vệ an ninh quốc gia

An ninh là thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong nhiều lĩnh vực (kinh tế, văn hóa, chính trị...) với nhiều cấp độ (con người, quốc gia, khu vực, quốc tế). An ninh được hiểu là sự an toàn, ổn định của một chủ thể trước những mối đe dọa, nguy cơ đe dọa.

Nghiên cứu khái niệm an ninh quốc gia cần xem xét trên cơ sở khách quan, khoa học và trong mối quan hệ tổng hợp các lợi ích và mâu thuẫn giữa các tập đoàn người trong xã hội, quan hệ giữa các nước, các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, thông tin, môi trường, tâm lý, lịch sử và nhiều tổ khác có liên quan. Khi nghiên cứu khái niệm an ninh quốc gia là cần xác định rõ lợi ích quốc gia, nội dung, tính chất, mức độ ưu tiên của chúng và chỉ ra các nguy cơ tiềm ẩn và thực tế đe dọa an ninh quốc gia.

Theo Luật An ninh quốc gia năm 2004 quy định: “*an ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc*”. An ninh quốc gia có phạm vi bao trùm trên tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội, trong đó an ninh chính trị và an ninh lãnh thổ là cốt lõi.

Bảo vệ an ninh quốc gia cũng được nhận diện trên khía cạnh từng quốc gia nhằm đảm bảo những lợi ích cốt lõi, duy trì sự ổn định và phát triển. Theo Luật An ninh quốc gia năm 2004 quy định, “*Bảo vệ an ninh quốc gia là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia*”.

- Khái niệm trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Theo Từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam, năm 2005 “*Trật tự, an toàn xã hội là trạng thái xã hội bình yên, trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định*”.

Trật tự, an toàn xã hội là vấn đề xã hội, là sản phẩm có ý thức của một xã hội có tổ chức, được hình thành dưới sự điều chỉnh có định hướng của pháp luật, thuần phong mỹ tục

của quốc gia đó. Sự điều chỉnh đó nhằm giới định lại hoạt động con người, đảm bảo sự ổn định và bền vững của kết cấu xã hội. Có nhiều nội dung tạo nên một trạng thái xã hội bình yên, có trật tự, kỷ cương, bao gồm: tội phạm hình sự được kiểm chế; tai nạn (giao thông, lao động...) được hạn chế; trật tự công cộng (những quy định chung về trật tự, vệ sinh, văn hóa, phong tục, tập quán, sinh hoạt được mọi người thừa nhận, tình trạng yên ổn, có trật tự, tôn trọng lẫn nhau lượng lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi của mọi người) được đảm bảo; tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm, mê tín, dị đoan) bị đẩy lùi...

Theo luật Công an nhân dân năm 2018 “*Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội*”.

Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với bảo vệ an ninh quốc gia, là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân và của toàn xã hội, trong đó Nhà nước là chủ thể chính, có trách nhiệm tổ chức và duy trì các hoạt động trong xã hội, huy động mọi nguồn lực để các thiết chế đảm bảo trật tự, an toàn xã hội được tuân thủ.

1.2. Tính chất

- *Tính gay go, quyết liệt, phức tạp, lâu dài*

Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc nên kế thừa đầy đủ tính chất của cuộc đấu tranh này. Đây là cuộc đấu tranh một mặt, một bên giữa lực lượng cách mạng với lực lượng phản cách mạng; giữa cái thiện và các giá trị truyền thống với cái ác và các sai lệch trong chuẩn mực đạo đức xã hội; giữa bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc với âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, tội phạm.

Cuộc đấu tranh không thể giành thắng lợi một sớm một chiều, mà diễn ra dai dẳng và lâu dài đòi hỏi quá trình đấu tranh gắn chặt với quá trình xây dựng, tạo tiềm lực, nguồn lực mạnh mẽ. Cần lưu ý rằng, đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là các thế lực thù địch với nguồn lực dồi dào, có ưu thế kinh tế, khoa học kỹ thuật... cùng với đó là chiến lược dài hạn nhằm đạt được những mục tiêu cụ thể.

- *Tính quần chúng*

Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là sự nghiệp cách mạng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, quần chúng nhân dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng bị xâm hại hoặc đe dọa bị xâm hại.

- *Tính chính trị trực tiếp*

Tính chính trị trực tiếp phản ánh bản chất công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là gắn bó chặt chẽ với sự tồn vong của chế độ chính trị, sự hưng vong của quốc gia. Sự thất bại của công tác này sẽ dẫn đến sự sụp đổ chế độ, tan vỡ quốc gia, ly tán dân tộc.

Cùng với đó, tính chính trị trực tiếp còn thể hiện ở mục đích phản ánh trong âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, phản động và tội phạm. Dù trực tiếp hay gián tiếp các âm mưu và hoạt động đó đều gây sứt mẻ chế độ chính trị, làm lung lay sự ổn định của xã hội.

- *Tính pháp chế*

Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nên mọi hoạt động đều tuân thủ pháp luật, trong đó bao gồm cả công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Các chủ thể trong quá trình tiến hành công tác phải căn cứ vào quy định của pháp luật để xác định đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đồng thời sử dụng pháp luật là công cụ hữu hiệu để đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động và tội phạm.

- *Tính quốc tế*

Toàn cầu hóa đang trở thành xu thế tất yếu, khách quan, tác động sâu sắc và toàn diện đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đặt ra yêu cầu hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhiều vấn đề về an ninh, trật tự không là vấn đề riêng của một quốc gia và tiềm lực một quốc gia cũng không thể tự giải quyết, đòi hỏi phải có sự hợp tác cùng giải quyết giữa hai hoặc nhiều quốc gia mới đạt hiệu quả cao.

1.3. Mục tiêu

Mục tiêu chung của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được thể hiện trong các văn kiện quan trọng của Đảng và nhà nước như: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được thông qua tại Đại hội XI của Đảng ta, Văn kiện đại hội Đảng khóa XII...

Có thể khái quát các mục tiêu chung là: Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân, tạo thế chủ động chiến lược, đẩy lùi, ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, hoạt động diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch; giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội và môi trường hoà bình, tạo điều kiện thuận lợi phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

II. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

2.1. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia

- Bảo vệ an ninh chính trị

- + Bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam
- + Bảo vệ vai trò quản lý xã hội của nhà nước xã hội chủ nghĩa
- + Bảo vệ đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, không để xảy ra tình trạng biến dạng, lệch hướng trong quá trình tổ chức thực hiện, can thiệp, điều chỉnh hệ thống pháp luật.

- + Bảo vệ bí mật nhà nước.

- + Bảo vệ các mục tiêu chính trị quan trọng.

- Bảo vệ an ninh kinh tế

- + Bảo vệ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trên lĩnh vực kinh tế, đảm bảo nền kinh tế phát triển lành mạnh, đúng định hướng nhất.

- + Bảo vệ bí mật nhà nước trên lĩnh vực kinh tế.

- + Bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế.

- + Bảo vệ đội ngũ cán bộ, trí thức có trình độ cao, các chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực kinh tế, đội ngũ cán bộ quản lý, tham mưu, hoạch định chính sách kinh tế.

- + Đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động xâm hại an ninh kinh tế.

- Bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa

- + Bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tăng cường nghiên cứu, phát triển lý luận để phù hợp với tình hình mới.

- + Bảo vệ truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới.

- + Bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- + Đấu tranh có hiệu quả với hoạt động phá hoại tư tưởng, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, xuống cấp về văn hóa, đạo đức, lối sống.

- + Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động văn hóa nghệ thuật, phát thanh, truyền hình, viễn thông,...

- Bảo vệ an ninh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- + Tăng cường bản chất chính trị của lực lượng vũ trang, bảo đảm lòng trung thành

tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân.

- + Phòng, chống các hoạt động thâm nhập nội bộ lực lượng vũ trang âm mưu “phi chính trị hóa” của các thế lực thù địch, phản động, tội phạm.

- + Bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật của sự nghiệp an ninh, quốc phòng.

- + Bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

- + Bảo vệ đội ngũ cán bộ cốt cán, cán bộ nắm giữ bí mật nhà nước trong lực lượng vũ trang và cơ quan đối ngoại.

- Bảo vệ an ninh lãnh thổ

Bảo vệ an ninh lãnh thổ là hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động xâm hại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để bảo vệ an ninh lãnh thổ phải giải quyết tốt các vấn đề sau:

- + Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, trật tự tại tuyến biên giới, hải đảo.

- + Chủ động giải quyết các tranh chấp về biên giới lãnh thổ với các nước láng giềng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bằng phương pháp hòa bình, tránh đối đầu, không để xảy ra xung đột, chiến tranh biên giới.

- + Kiên quyết, kiên trì mục tiêu giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trong các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, khẳng định chủ quyền đối với Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- + Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm tại khu vực biên giới, hải đảo.

- + Tăng cường tiềm lực, trang bị cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh, trật tự tại biên giới, xây dựng quy chế phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng trong bảo vệ an ninh biên giới, lãnh thổ.

2.2. Nội dung bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

- Phòng, chống tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn xã hội

- + Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân tôn trọng, chấp hành pháp luật, nhằm xây dựng xã hội an ninh, an toàn, trật tự, văn minh, nề nếp và thân thiện.

- + Kịp thời làm rõ nguyên nhân, khắc phục những tồn tại hạn chế, khó khăn, bất cập và điều kiện nảy sinh tội phạm. Xử lý kịp thời, dứt điểm các vụ việc phức tạp nảy sinh về an ninh, trật tự ngay từ cơ sở, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

- + Đẩy lùi tội phạm, giảm các loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, không để tội phạm lòng hành, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, phục vụ đắc lực nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

- + Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm về kinh tế, tham nhũng, ma túy, môi trường, tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên, tội phạm liên quan trực tiếp đến sự suy thoái đạo đức gia đình, xã hội...

- + Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật phòng, chống tội phạm; tiếp thu có chọn lọc tính tích cực các hương ước, quy tắc của cộng đồng dân cư trong phòng, chống tội phạm và đảm bảo an ninh, trật tự cơ sở.

- + Giảm tỷ lệ tái phạm tội trong số người chấp hành xong án phạt tù.

- + Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và cán bộ làm công tác thi hành án hình sự; đảm bảo nguồn lực (nhân lực, vật lực) cho công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

- Phòng, chống tệ nạn xã hội

+ Phòng, chống tệ nạn xã hội là nội dung quan trọng, là bộ phận cấu thành của Chiến lược phát triển đất nước, phục vụ nhiệm vụ xây dựng, chính đốn Đảng, xây dựng Nhà nước, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh, tạo môi trường xã hội ổn định, lành mạnh, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

+ Sử dụng đồng bộ các biện pháp để phòng, chống tệ nạn xã hội. Kết hợp giữa phòng ngừa và đấu tranh trấn áp, lấy phòng ngừa là chính. Coi trọng công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa từ gia đình và cơ sở.

+ Khắc phục căn bản nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh, tồn tại và phát triển của các tệ nạn xã hội, trước hết là các nguyên nhân, điều kiện do những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế, xã hội... Nâng cao hiệu quả quản lý một số lĩnh vực dịch vụ kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự.

+ Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong phòng, chống tệ nạn xã hội.

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội.

- *Quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội*

+ Quản lý về cư trú .

+ Cấp phát, quản lý giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước.

+ Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ.

+ Quản lý các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

+ Quản lý về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

+ Quản lý về phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- *Phòng ngừa tai nạn*

+ Hoàn thiện các văn bản pháp luật về an toàn xã hội, nhất là an toàn giao thông, an toàn cháy nổ, an toàn lao động...

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của nhân dân trong chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn cháy nổ.

+ Tăng cường xử lý những hành vi vi phạm các quy định về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn cháy nổ...

III. Quan điểm, phương châm, nguyên tắc trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

3.1. Quan điểm chỉ đạo trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

- Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

- Xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

3.2. Phương châm chỉ đạo trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

- Kiên định mục tiêu, nguyên tắc chiến lược, mềm dẻo, linh hoạt về sách lược, tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của nhân trong nước, dư luận quốc tế.

- Kết hợp chặt chẽ giữa chủ động phòng ngừa với chủ động tiến công, lấy chủ động phòng ngừa, giữ vững bên trong là chính.

- Chú trọng cả hai nhiệm vụ “xây” và “chống”, trong đó lấy xây dựng là chính.

3.2. Nguyên tắc trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

- Đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng Công sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp

pháp của tổ chức, cá nhân.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

IV. Chủ thể, giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

4.1. Chủ thể bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

- *Đảng Cộng sản Việt Nam*

Đảng hoạch định đường lối, chính sách và phương pháp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xác định những phương hướng cơ bản, củng cố, phát triển tiềm lực quốc gia và nâng cao sức mạnh, khả năng chiến đấu của lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân; lãnh đạo quá trình triển khai nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trong từng giai đoạn cách mạng; lãnh đạo xây dựng bộ máy tổ chức, xác định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức; tạo ra cơ chế phối hợp, các điều kiện đảm bảo cho công tác, chiến đấu của lực lượng quân đội, công an.

- *Chính phủ*

Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất, chịu trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện chính sách, pháp luật nhằm xây dựng lực lượng Công an nhân dân chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; Tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật xây dựng nền an ninh nhân dân, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị, phòng ngừa và đấu tranh chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; thực hiện chính sách ưu đãi, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần và chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

- *Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức khác*

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, động viên nhân dân xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội của tổ chức, cá nhân.

- *Lực lượng công an nhân dân*

Công an nhân dân là cơ quan chuyên trách, là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, có chức năng tham mưu cho Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội .

- *Quần chúng nhân dân*

Quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo nhất trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Công dân có quyền và nghĩa vụ: Tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật; Tố cáo hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, hành vi lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; Phát hiện, kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội khắc phục sơ hở, thiếu sót...

4.2. Giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

- Tăng cường công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

- Tăng cường công tác bảo vệ an ninh tư tưởng, văn hóa, an ninh thông tin, truyền thông.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh xã hội.

- Tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm; phối hợp với quân đội,

các ngành tư pháp, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy, chính quyền địa phương trong bảo vệ an ninh, trật tự.

- Tiếp tục củng cố, mở rộng, phát triển quan hệ hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế trong công tác bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

- Rà soát, xây dựng và đề xuất hoàn thiện các văn bản pháp luật./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh đại học, cao đẳng*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2016.

[2] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng (Dùng cho Đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng an ninh)*, Nxb Quân đội nhân dân, 2005.

[3] *Tài liệu tập huấn Giáo dục quốc phòng và an ninh (năm 2017, 2018, 2019, 2020)*.